

Số: 459/KH-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Khắc phục các tồn tại và cải tiến sau đánh giá ngoài chất lượng 04 CTĐT giai đoạn 2016 – 2021

Căn cứ Thông báo số 237/TB-TĐHTPHCM ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc lập kế hoạch khắc phục các tồn tại sau ĐGN CTĐT giai đoạn 2016 – 2021;

Căn cứ Kế hoạch khắc phục tồn tại sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo giai đoạn 2016-2021 của 04 ngành: Công nghệ Kỹ thuật môi trường; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý; Công nghệ thông tin.

Nhà trường ban hành kế hoạch khắc phục các tồn tại và cải tiến sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo giai đoạn 2016 – 2021 như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH

- Khắc phục các tồn tại trong các hoạt động của Khoa giai đoạn 2016-2021 được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ ra trong đợt đánh giá ngoài chất lượng giáo dục CTĐT.
- Cải tiến các hoạt động trong công tác quản lý của Khoa làm cơ sở đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT giai đoạn 2022-2027.

#### II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Kế hoạch khắc phục tồn tại và cải tiến sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật môi trường (*Phụ lục 1*);

Kế hoạch khắc phục tồn tại và cải tiến sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường (*Phụ lục 2*);





Kế hoạch khắc phục tồn tại và cải tiến sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý (Phụ lục 3);

Kế hoạch khắc phục tồn tại và cải tiến sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin (Phụ lục 4);

Trên đây là kế hoạch khắc phục các tồn tại và cải tiến sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo giai đoạn 2016-2021. Hiệu trưởng yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện và báo cáo định kỳ tiến độ triển khai về Nhà trường (thông qua Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục) 06 tháng/lần./.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Khoa: MT, TĐBĐ&TTĐL, HTTT&VT (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. KTĐBCL&TTGD.



**Lê Hoàng Nghiêm**





Mẫu Báo cáo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TP. HỒ CHÍ MINH  
KHOA...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

### BÁO CÁO

Kết quả thực hiện khắc phục các tồn tại và cải tiến  
sau Đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành ...

Tiêu chuẩn / Tiêu chí	Tồn tại	Kế hoạch khắc phục	Tiến độ thực hiện		Minh chứng (ghi rõ tên văn bản đã ban hành và nộp văn bản kèm với báo cáo)
			Đã thực hiện	Chưa thực hiện (nêu rõ lý do)	
	...				

TRƯỞNG KHOA  
(Ký và ghi rõ họ tên)





## Kế hoạch khắc phục và cải tiến các tồn tại sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị, cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5	6
<b>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>					
1.1	Các ý kiến góp ý của cựu SV và nhà tuyển dụng cho mục tiêu của CTĐT ngành CNKTMT còn ít	Thành lập hội cựu SV khoa Môi trường, kết nối và thu thập thông tin liên tục để bảo đảm việc khảo sát ý kiến NH, cựu SV được tốt hơn.	Khoa Môi trường	Phòng CTSV	Đã thực hiện cuối năm 2021
1.2	CDR của CTĐT ngành CNKTMT thiếu cập nhật thường xuyên một số kỹ năng mềm mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT để trở thành công dân toàn cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Cập nhật kỹ năng mềm vào CTĐT định kỳ 2 năm/lần	Bộ môn KTMT	Khoa MT, phòng KTĐBCL& TTGD	
1.3	Hình thức lấy ý kiến các bên liên quan chưa đa dạng, số lượng các ý kiến của GV, cựu SV và SV năm cuối còn chưa nhiều.	Tập trung khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng, GV và các chuyên gia, đồng thời tăng số lượng phiếu khảo sát đối với GV, cựu SV và SV năm cuối, tăng hình thức trực tiếp, online và hội thảo	Bộ môn KTMT	Khoa MT, phòng KTĐBCL& TTGD	
<b>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo</b>					
2.1	CTĐT chưa có các HP giảng dạy bằng tiếng anh và chưa cập nhật nhiều kiến thức thực tế từ các DN tham gia vào đào tạo.	Từng bước lồng ghép nội dung giảng dạy bằng slide tiếng anh, kiến thức thực tế trong một số học phần chuyên ngành.	Khoa MT, GV		Từ năm 2022
2.2	Việc thực hiện KĐCLGD và đối sánh chất lượng liên quan đến các HP qua các năm chưa	Thực hiện đối sánh cùng học phần qua các năm	GV, Bộ môn KTMT	Phòng KTĐBCL& TTGD,	Từ năm 2022

	đầy đủ, mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá chất lượng trong từng năm				
2.3	Việc đánh giá mức độ công khai, tính để đăng tiếp nhận của Bản mô tả CTDĐT và ĐCCT chưa được đưa vào phiếu khảo sát nên chưa có kết quả để đánh giá	Đưa nội dung khảo sát về mức độ công khai, tính để đăng tiếp cận của Bản mô tả CTDĐT, ĐCCT vào khảo sát	Bộ môn KTMT	Phòng KTBCL& TTGD	Từ năm 2022

**Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

3.1+3.3	Kết quả thu thập ý kiến của các bên liên quan còn hạn chế về các thông tin cần thiết phục vụ cho việc đánh giá cấu trúc của CTDH toàn diện, số lượng phiếu còn ít, đặc biệt là thông tin phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động	Lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, NH và cựu NH khi rà soát và điều chỉnh CTDH	Bộ môn KTMT	Khoa MT, Phòng KTBCL& TTGD	Kết thúc học kì 1, học kì 2 hàng năm
3.2	Khoa đã thực hiện báo cáo đánh giá học phần, mỗi học kỳ nhưng chưa đánh giá cụ thể đóng góp của từng HP vào CDR và chưa thực hiện đối sánh cùng HP qua các năm	Thực hiện Báo cáo đánh giá học phần có nội dung đối sánh chất lượng ĐT từng học phần, đưa nội dung đánh giá cụ thể đóng góp của HP vào CDR vào Báo cáo	Khoa MT, GV	Phòng KTBCL& TTGD	Kết thúc học kì 1, học kì 2 hàng năm

**Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

4.1	TLGD của Trường chưa được công bố rộng rãi với các nhà tuyển dụng lao động khác.	Tăng cường quảng bá TLGD và mục tiêu ĐT ngành CNKTMĐT đến công đồng và các nhà tuyển dụng khác thông qua hội thảo, quảng cáo và chương trình giới thiệu tuyển sinh	Nhà Trường, Khoa MT	TTTT&TV, Ban tư vấn tuyển sinh	Từ năm 2022
4.2	SV nắm thứ nhất khi vừa mới kết thúc học phổ thông trung học chưa quen với phương pháp tự nghiên cứu và học tập theo quy chế đào tạo tin chỉ do đó cần tăng cường thêm công tác CVHT cho SV	Các CVHT, GV tăng cường phổ biến phương pháp giảng dạy, học tập cho SV, nhất là SV năm đầu khóa học.	Khoa MT, CVHT	Phòng CTSV	Từ năm 2022
4.3	Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến PPGD chưa được thường xuyên.	Định kỳ hàng năm tổ chức ít nhất một hội thảo về phương pháp giảng	Khoa MT, GV	P. KHCN&Q HDN	Từ năm 2022, theo kế hoạch của Khoa



			đạy, song song với việc duy trì chế độ báo cáo học phần của GV			
<b>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học</b>						
5.1+5.3	Trong đề cương chi tiết của tất cả các học phần, SV đều được giao nhiệm vụ tự học nhưng lại chưa có mô tả cụ thể về phương pháp KTĐG kết quả tự học của SV.	Bổ sung rubric kiểm tra đánh giá kết quả tự học của SV, hoàn thiện rubric của Khoa theo quyết định của Nhà Trường	GV			Từ năm 2022
5.1	Chưa thường xuyên thực hiện công tác thông kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần để có hướng điều chỉnh thích hợp.	Tổ chức đánh giá đề thi trong báo cáo đánh giá kết quả học tập theo thang Bloom trong từng học kỳ	Bộ môn KTM	Khoa Môi trường		Từ năm 2022
5.2	Quy định về thời gian làm bài tự luận chưa thực sự phù hợp cho những môn đặc thù như Vẽ kỹ thuật xây dựng, hình họa vẽ kỹ thuật, thủy lực, cơ học ứng dụng...	Đề xuất nhà trường quy định về thời gian làm bài thi tự luận đối với một số môn học đặc thù. Hướng dẫn biên soạn đề thi, câu hỏi thi phù hợp với nội dung và chuẩn đầu ra của học phần	Khoa MT, GV giảng dạy	Phòng KT, ĐBCL & TTGD		Từ năm 2022, liên tục
5.3	Việc áp dụng thang cấp độ, tự duy của Bloom (cải tiến) cho các đề thi của môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như Cơ học ứng dụng, Vẽ kỹ thuật xây dựng... đôi khi chưa rõ ràng, gây khó khăn cho GV ra đề thi	Bổ sung ngân hàng đề thi và đáp án theo hướng dẫn của thang Bloom và rubric để đảm bảo tính đa dạng.	Khoa MT, Bộ môn, GV	P. KTĐBCL & TTGD		Niên khóa 2022- 2023
5.4	Chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV và SV về từng loại điểm thành phần	GV dành thêm thời gian trao đổi trực tiếp với SV về các điểm thành phần và điểm giữa kỳ	GV giảng dạy			Từ năm 2022
5.5	Nhà trường chưa xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo nhằm tạo điều kiện cho NH có thể phản hồi nhanh khi phát hiện sai sót	Xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo	Trung tâm thư viện, phòng Đào tạo	Khoa MT		Theo kế hoạch của Nhà Trường

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên						
6.1	Số lượng GV có học hàm GS, PGS còn ít	Hỗ trợ GV đạt học hàm, học vị cao hơn, tỉ lệ TS/GV đạt 37%	Khoa Môi Trường, GV			Liên tục
6.1	Trình độ ngoại ngữ giữa các GV còn chưa đồng đều	Nâng cao trình độ tiếng Anh của GV	GV			Liên tục
6.2	Khối lượng NCKH giữa các GV trong khoa còn chưa đồng đều	Thành lập nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định Nhà trường	Khoa MT, GV	P. KHCHN&Q HDN		Liên tục
6.2	Tỉ lệ NH/GV ngày càng giảm.	Tăng tỉ lệ NH/GV bằng cách đa dạng hóa bậc và chuyên ngành đào tạo để thu hút NH	Khoa Môi trường, GV,	Viện NCPTBV, PDT		2022-2030
6.3	Việc tuyển dụng đặc cách các ứng viên có trình độ cao từ Tiến sĩ trở lên chưa được hấp dẫn và lôi cuốn.	Xây dựng chính sách đãi ngộ thu hút nhà khoa học trình độ cao	phòng TCCB	Phòng KHTC, Khoa MT		Theo kế hoạch của trường
6.1+	Một số GV chưa tích cực tham gia học tập, phát triển chuyên môn và kinh nghiệm thực tế	Tạo điều kiện cho GV học tập, phát triển kinh nghiệm thực tế	Khoa MT, GV	Phòng TCCB		Theo kế hoạch của trường
6.4	6.4	6.4	6.4	6.4	6.4	6.4
6.5	Nguồn tài chính của Nhà trường hỗ trợ hoạt động NCKH cơ sở đối với GV và SV còn hạn chế; mức độ khen thưởng đối với các công trình công bố quốc tế còn thấp. Việc đối sánh hoạt động NCKH cụ thể của từng cá nhân qua các năm chưa được thực hiện, mới chỉ dừng lại đối sánh toàn Khoa.	Triển khai quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học cấp Trường cho CB/GV Trường DH TN&MT Thực hiện đối sánh hoạt động NCKH cụ thể của từng cá nhân qua các năm	Khoa Môi Trường, GV	Phòng KHCHN và QHDN		Theo kế hoạch của trường
6.6	Chưa có áp dụng sổ tay GV trong nhà Trường.	Áp dụng sổ tay GV	Khoa MT, GV			Theo kế hoạch chung của nhà trường
6.7	Phần mềm tích hợp các nhiệm vụ phòng ban và quản lý đào tạo đang được cải thiện nhưng chưa đưa vào sử dụng	Hoàn thiện phần mềm để tích hợp quản lý tiến độ và hiệu quả công việc QLĐT	PDT và đơn vị tư vấn	Khoa MT		Theo kế hoạch chung của nhà trường

<b>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên</b>						
7.1	Trưởng chưa có hướng dẫn cụ thể đánh giá phân loại GV theo nhiệm vụ khác (nhiệm vụ hỗ trợ) và mức độ hoàn thành trong công việc trong quy chế chi tiêu nội bộ dẫn đến việc đánh giá mức độ đóng góp của GV chưa chính xác.	Triển khai các cải cách quy chế chi tiêu nội bộ	Ban soạn thảo	Các trường đơn vị	2022 -2023	
7.1	Chưa khai thác tốt các trang mạng xã hội trong việc thông báo tuyển dụng NV.	Khai thác các mạng xã hội vào thông báo tuyển dụng NV	Khoa Môi Trường, NV		2021-2025	
7.2	Chưa xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực riêng cho từng vị trí của NV như giáo vụ Khoa, NV PTN, CVHT	Xây dựng thêm các tiêu chí đánh giá năng lực riêng cho từng vị trí công việc của NV	Khoa Môi trường	P. TCCB	Liên tục	
7.3	Đội ngũ NV của Khoa còn mỏng, công việc nhiều nên GV phải kiêm nhiệm thêm công việc của trợ lý khoa ảnh hưởng đến thời gian nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.	Tuyển dụng 2 chuyên viên cho PTH CTN và phòng Tin Học MT	Khoa MT		Theo kế hoạch chung của Nhà trường	
7.4	Hoạt động phục vụ cộng đồng chưa được đánh giá cụ thể trong các tiêu chí đánh giá kết quả công việc của NV.	Bổ sung hoạt động PVCD vào các tiêu chí đánh giá kết quả công việc của NV	Nhà Trường, Phòng TCCB, Khoa MT	GV	Theo kế hoạch chung của Nhà trường	
7.5	Chưa gắn kết công tác quảng bá tuyển sinh trong các hoạt động PVCD	Tăng cường quảng bá thông tin tuyển sinh của nhà trường thông qua các hoạt động PVCD.	Nhà trường, Ban tuyển sinh, Khoa MT		Theo kế hoạch chung của Nhà trường	
<b>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học</b>						
8.1	Tiêu chí tuyển sinh, tuyển chọn NH chưa tham khảo nhiều ý kiến từ nhà tuyển dụng.	Tăng cường khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng trong việc xây dựng tiêu chí tuyển sinh	Phòng KTĐBCL& TTGD, Ban Tuyển sinh	Khoa MT	Theo kế hoạch chung của Nhà trường	

8.2	Chưa tích hợp các phần mềm quản lý hiện có, chưa có sự kết nối đồng bộ và chia sẻ CSDL dùng chung để tiết kiệm nguồn nhân lực và kiểm soát hiệu quả sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả và khối lượng học tập của NH.	Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo và quản lý SV	TTTTTV		Theo kế hoạch chung của Nhà trường
8.3	Chính sách hỗ trợ SV NCKH chưa được thực hiện thường xuyên. Cơ sở vật chất chưa cung cấp cho SV không gian đủ để hoạt động hội, nhóm. Số lượng đối tượng tham gia khảo sát ý kiến còn ít, có thể ảnh hưởng đến kết quả khảo sát.	Cải tiến công tác hướng nghiệp. Tương tác với các trang web tuyển dụng để tạo việc làm cho SV.	Phòng CTSV	Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Nhà trường
8.4	Không gian và CSVC phục vụ vui chơi giải trí cho NH tại Trụ sở còn hạn chế	Mở rộng Trụ sở để tăng thêm không gian và CSVC phục vụ vui chơi giải trí cho NH	Phòng HC-QT		Theo kế hoạch chung của Nhà trường
8.5	Việc bảo dưỡng và quy hoạch sử dụng còn chưa được triệt để.	Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất	Phòng HC-QT		Theo kế hoạch chung của Nhà trường
<b>Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b>					
9.1	Việc bảo dưỡng và quy hoạch sử dụng còn chưa được triệt để.	Quy hoạch sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất	Phòng HC-QT		Theo kế hoạch chung của Nhà trường
9.1	Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa thực sự phát triển mạnh trong bối cảnh hội nhập Quốc tế hiện nay.	Liên kết khai thác và trao đổi tài liệu với các Thư viện khác	Trung tâm TT-TV		Theo kế hoạch chung của Nhà trường
9.2	Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa thực sự phát triển mạnh trong bối cảnh hội nhập Quốc tế hiện nay.	Tham gia Hiệp hội Thư viện và tham gia các Group Thư viện trên Internet	Trung tâm TT-TV		Theo kế hoạch chung của Nhà trường

9.2	Một số thiết bị do vận hành liên tục và lâu năm nên các tính năng đã giảm như: Bếp điện, Tủ ủ BOD...	Kịp thời sửa chữa hoặc mua mới các máy móc thiết bị đã suy giảm chức năng	PTN MT	Phòng HCQT	Theo kế hoạch chung của Nhà trường
9.3	Hạ tầng CNTT chưa hiện đại, hệ thống mạng wifi còn ít các điểm phát sóng.	Đầu tư thêm hệ thống mạng wifi	Phòng HCQT	Phòng HCQT	Theo kế hoạch chung của Nhà trường
9.4	Đội ngũ nhân sự chuyên về quản trị, an ninh mạng còn thiếu.	Tăng cường đội ngũ nhân sự chuyên về quản trị, an ninh mạng	Phòng HCQT	Phòng HCQT	Theo kế hoạch chung của Nhà trường
9.4	Các hạng mục phục vụ nhu cầu đặc thù của người khuyết tật còn thiếu.	Tăng cường thực hiện các chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật được, đặc biệt khi triển khai xây dựng trụ sở mới.	Phòng HCQT	Phòng HCQT	Theo kế hoạch chung của Nhà trường
9.5	Diện tích cây xanh của Trường còn ít.	Tăng diện tích cây xanh	Phòng HCQT	Phòng HCQT	Theo kế hoạch chung của Nhà trường
<b>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</b>					
10.1	Số lượng cựu SV tham gia khảo sát còn ít so với tổng số SV đã tốt nghiệp ra trường nên kết quả khảo sát chưa thể hiện được toàn bộ ý kiến của nhóm đối tượng này.	Thành lập hội cựu SV khoa Môi trường, kết nối và thu thập thông tin liên tục để bảo đảm việc khảo sát ý kiến NH, cựu SV được tốt hơn, thu nhập nhiều thông tin hơn để phục vụ cho công tác cải tiến chất lượng ĐT.	Khoa Môi trường, GV	Phòng CTSV, Phòng KTĐBCL& TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa
10.1	Việc khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về CTDĐT, chất lượng của hoạt động giảng dạy đã được nhưng chưa đầy đủ, xuyên suốt.	Tăng cường hình thức khảo sát các ý kiến góp ý của các bên liên quan định kỳ và hiệu quả hơn để làm cơ sở thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với nhu cầu của xã hội	Khoa MT	Phòng KTĐBCL& TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa

10.2	Quy trình thiết kế và phát triển CTDH chủ yếu dựa vào ý kiến chuyên gia và các hướng dẫn của Bộ DGĐT mà không lấy ý kiến của các chuyên gia đào tạo trong nước.	Tham khảo ý kiến các chuyên gia kiểm định CLĐT hoặc các chuyên gia đào tạo ở các Trường khác về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	Khoa MT Phòng KHCN và QHĐN	Các chuyên gia	Theo kế hoạch chung của Khoa
10.2	Quy trình thiết kế và phát triển CTDH chủ yếu dựa vào ý kiến chuyên gia và các hướng dẫn của Bộ DGĐT mà không lấy ý kiến của các chuyên gia đào tạo quốc tế	Tăng cường hợp tác Quốc tế, lấy ý kiến chuyên gia Quốc tế về chương trình Đào tạo của ngành CNKTM.T.	Khoa MT Phòng KHCN và QHĐN	Các chuyên gia quốc tế	Theo kế hoạch chung của Khoa
10.3	Công tác đánh giá qua lấy ý kiến SV cần cải thiện	Cải thiện liên tục hơn công tác lấy ý kiến đánh giá của SV để đảm bảo SV phản ánh chính xác các đánh giá và mong đợi.	Khoa Môi trường	Phòng KTPBCL& TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa
10.3	Việc đánh giá quá trình giảng dạy chủ yếu tập trung vào việc dự giờ đối với các GV trẻ, chưa mở rộng đánh giá với các GV có thâm niên giảng dạy	Yêu cầu GV trẻ phải tăng cường dự giờ các GV lâu năm	Khoa Môi trường	Phòng KTPBCL& TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa
10.4	Kết quả NCKH của Khoa nhiều, đa dạng nhưng chưa được chuyển vào hệ thống lưu trữ điện tử	Xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử các NCKH của Khoa và Nhà trường	Khoa Môi trường	Phòng KHCN và QHĐN	Từ 2022
10.5	Nhà Trường chưa xây dựng KPIs để đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Xây dựng KPIs để đánh giá chất lượng hoạt động của phòng thí nghiệm, phòng thực hành và phòng tin học do Khoa phụ trách	Khoa MT, Trưởng PTN	Phòng KT DBCL&TT GD	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
10.5	Công tác khảo sát ý kiến về đánh giá chất lượng các dịch vụ được thực hiện chưa nhiều	Tăng cường khảo sát ý kiến SV đối với các dịch vụ hỗ trợ cụ thể cho từng loại hình dịch vụ	Khoa MT	Phòng KTPBCL& TTGD	Theo kế hoạch chung của Trường
10.6	Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, số lượng phiếu điều tra thu thập đối với nhà tuyển dụng còn hạn chế so với số lượng phiếu gửi đi điều tra, một số ý kiến trả lời phiếu còn chậm trễ so với kế hoạch.	Thay đổi biểu mẫu hạn chế phải công khai thông tin của người tham gia khảo sát	P. KTPBCL&T TGD	Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường

<b>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra</b>					
11.1	Chưa có đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp như chuyên gia tâm lý học đường.	Xây dựng đội ngũ tư vấn viên (là CB các phòng ĐT, trợ lý các khoa, SV có học lực khá giỏi, GV có vấn học tập) thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ SV có học lực yếu trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất.	Có vấn học tập, SV có học lực khá, Lớp trưởng	Phòng Đào tạo, Phòng CTSV	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường
11.1	Việc đối sánh tỉ lệ TN và thời học của SV ngành CNKTMĐT với SV thuộc ngành khác trong Trường và ngành CNKTMĐT ĐT tại các Trường đại học khác trong nước chưa nhiều và thiếu thường xuyên. Chưa thực hiện việc đối sánh CTĐT qua các năm của ngành đánh giá với các CTĐT khác của Trường; với trường ĐH trong và ngoài nước về tỷ lệ TN, thời học.	Thực hiện thường xuyên đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và thời học của SV ngành CNKTMĐT với SV thuộc ngành khác trong Trường và Trường khác	CVHT	Phòng ĐT, Phòng CTSV	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường
11.2	Cơ chế cho phép học vượt hoặc đăng ký học sớm chưa được thực hiện trong những năm trước đây, do đó, tỉ lệ SV có thời gian TN trung bình ngành CNKTMĐT của Trường thấp hơn các Trường khác.	Bổ sung vào số tay nghiệp vụ của GV hay số tay SV hạng mục phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn/hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp	Khoa MT	Phòng Đào tạo, Phòng CTSV	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường
11.3	Thiếu phân tích nguyên nhân tỉ lệ không có việc làm của NH sau khi TN.	Thống kê, theo dõi thường xuyên thị trường việc làm, để nắm bắt xu hướng phát triển việc làm và tư vấn hướng nghiệp kịp thời cho SV	Khoa MT	Phòng CTSV, Phòng KTĐBCL & TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường
11.3	Thiếu khảo sát tỉ lệ SV có việc làm sau 6 tháng TN và sau 12 tháng dẫn đến thiếu đối sánh với các trường ngoài ĐT cùng ngành	Tăng cường đối sánh và phân tích tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong nước, phân tích nguyên nhân SV tốt nghiệp không có việc làm sau 6 tháng để làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo	Khoa MT	Phòng CTSV, Phòng KTĐBCL & TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường

11.4	Việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí hỗ trợ cho nghiên cứu so với kinh phí thực hiện còn hạn chế.	Tăng cường CSVC và hỗ trợ tài chính cho các đề tài NCKH của SV	Nhà trường	Phòng KHCN & QHDN	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường
11.4	Tỉ lệ số lượng SV tham gia NCKH so với tổng số SV của ngành là chưa cao	Tăng cường định hướng, hướng dẫn SV NCKH	Khoa MT, GV	Phòng KHCN & QHDN,	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường
11.5	Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, ý kiến phản hồi còn hạn chế so với số lượng phiếu gửi đi điều tra.	Đa dạng hóa nội dung và phương pháp khảo sát về mức hài lòng đề đạt được nhiều phản hồi hơn, kết quả tin cậy và điển hình hơn	Khoa MT	Phòng CTSSV, Phòng KTBCL & TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường
11.5	Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đối với nhà tuyển dụng lao động chưa được thực hiện trên diện rộng	Tăng cường vai trò của cựu SV trong khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng và doanh nghiệp	Khoa MT	Phòng CTSSV, Phòng KTBCL & TTGD	Theo kế hoạch chung của Khoa/Trường



**Kế hoạch khắc phục và cải tiến các tồn tại sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường**

Tiêu chuẩn / tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị / cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	2	3	4	5	6
<b>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>					
Tiêu chí 1.1.	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi về mục tiêu CTĐT của CSV và các nhà tuyển dụng thông qua hoạt động của hội và hội thảo	Định kỳ Bộ môn thực hiện 2 năm/lần 2023, 2025, 2027	Bộ môn QLTNMT	P. Đào tạo Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
Tiêu chí 1.2.	Tiếp tục khảo sát, cập nhật CDR cho CTĐT ngành QLTNMT theo quy định đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế	Định kỳ Bộ môn thực hiện 2 năm/lần 2023, 2025, 2027	Bộ môn QLTNMT	P. Đào tạo Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
Tiêu chí 1.3.	Công khai CDR của CTĐT ngành QLTNMT đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau	Hội thảo hướng nghiệp với SV, cựu SV và nhà tuyển dụng tháng 3, 2 năm/lần	Bộ môn QLTNMT	P. Đào tạo Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
	Liên kết với nhà tuyển dụng và chuyên gia, xây dựng liên minh đào tạo các Trường Đại học	Xây dựng chương trình thực tập sinh có lương với doanh nghiệp thử nghiệm 2024 -2025	Bộ môn QLTNMT	P. Đào tạo Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
<b>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo</b>					

Tiêu chí 2.1.	Bảng ma trận quan hệ giữa HP và CDR của CTDT chưa hợp lý bởi nhiều môn học đáp ứng rất nhiều CDR của CTDT.	Rà soát, xác định lại mức độ đóng góp của mỗi HP vào CDR của CTDT, đảm bảo tính khả thi và hợp lý CDR của CTDT. → Xây dựng lại bảng ma trận giữa HP và CDR của CTDT.	Bộ môn QLTNMT	P. Đào tạo Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
	Vai trò của các PPDH trong bảng ma trận giữa PPDH với CDR của CTDT chưa phù hợp.	Rà soát và điều chỉnh lại vai trò của các PPDH đối với CDR của CTDT cho hợp lý. → Xây dựng lại bảng ma trận giữa PPDH và CDR của CTDT	Bộ môn QLTNMT	P. Đào tạo Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
Tiêu chí 2.2.	Vẫn còn 08 học phần chỉ có 1 tín chỉ, như vậy khó cho việc áp dụng các PPDH tích cực.	Rà soát lại toàn bộ CTDT, số lượng HP, tổng số tín chỉ lý thuyết và thực hành, xem xét các HP chỉ có 1 tín chỉ nâng lên 2 tín chỉ; các HP có thể giảm sẽ xem xét giảm để tổng số tín chỉ CTDT phù hợp với yêu cầu; Hoặc, xem xét ghép HP (2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành).	Bộ môn QLTNMT	P. Đào tạo Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
	Còn một số học phần không có giáo trình để học tập, tài liệu học tập chưa cập nhật.	Rà soát và bổ sung các HP còn thiếu giáo trình, tài liệu học tập, cập nhật lại giáo trình và tài liệu tham khảo theo điều kiện nguồn tham khảo (nguồn liên kết, tài liệu điện tử và tài liệu giấy) của Nhà trường.	GV phụ trách giảng dạy HP	Bộ môn QLTNMT	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
	Nhiều DCCCT học phần mô tả 9 - 11 phương pháp giảng dạy, học tập nhưng thực tế áp dụng trong từng nội dung chỉ 4-5 phương pháp.	Rà soát lại tất cả các HP, xác định lại chính xác số lượng phương pháp giảng dạy, học tập được áp dụng trong các HP, bỏ đi các phương pháp không sử dụng.	GV phụ trách giảng dạy HP	Bộ môn QLTNMT	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường

	Mục tiêu HP chưa rõ ràng, CDR HP chưa tương thích với CDR của CTĐT.	Rà soát lại toàn bộ các HP, xác định lại từng mục tiêu phù hợp với ELOs, xác định lại mối quan hệ tương thích giữa CELOs và ELOs có sự phù hợp, khả thi. → Xây dựng lại bảng ma trận CGs và CELOs đối với ELOs cho HP.	GV phụ trách giảng dạy HP	Bộ môn QLTNMT	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
Tiêu chí 2.3.	Chưa có nội dung khảo sát về sự tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của các bên liên quan.	Bổ sung, xây dựng link khảo sát về nội dung điều kiện, phương thức tiếp cận của các bên liên quan đối với bản mô tả CTĐT và ĐCCT.	Bộ môn QLTNMT	Phòng KTĐBCL& TTGD Khoa Môi trường	Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường
<b>Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b>					
Tiêu chí 3.1.	Một số học phần áp dụng PPGD chưa thể hiện sự đáp ứng với CDR. ĐCCT học phần chưa thể hiện rõ hướng dẫn và biện pháp giám sát, đánh giá giờ tự học.	Lựa chọn PPGD phù hợp với từng học phần, đáp ứng nhu cầu học tập của người học Cần thể hiện rõ hướng dẫn và biện pháp giám sát, đánh giá giờ tự học trong ĐCCT học phần.	Giảng viên phụ trách giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo		Khi tiến hành rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của trường
Tiêu chí 3.2.	Mức đóng góp của các HP vào CDR CTĐT là chưa phù hợp. Có nhiều học phần đáp ứng rất nhiều CDR của CTĐT. Ví dụ học phần: Quản trắc môi trường, Môi trường và sức khỏe, Quản lý rừng và đa dạng sinh học, Kỹ thuật năng lượng, Quản lý tài nguyên đất đáp ứng 10-11 CDR của CTĐT. Đặc biệt, học phần Cơ sở viễn thám và GIS và học phần Kiểm soát ô nhiễm đất đáp ứng 12/12 CDR của CTĐT. Ví dụ: CDR 6 về kỹ năng “Sử dụng được tiếng Anh để hoàn thành báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày và trao đổi được các ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn” thì lại có tới	Rà soát, xác định lại mức độ đóng góp của từng HP vào CDR của CTĐT để đảm bảo tính khả thi khi triển khai đào tạo và đánh giá mức độ SV đạt CDR của học phần.	Giảng viên phụ trách giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo		Khi tiến hành rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của trường

	21 học phần đáp ứng, thậm chí còn ở mức đáp ứng cao như học phần: Kỹ thuật xử lý chất thải, Quản lý môi trường, Quản lý tài nguyên đất và học phần Quản lý biển và hải đảo.				
<p>Tiêu chí 3.3.</p> <p>-Thời gian thực hành hơi ít, qua phòng vẫn cử sinh viên và nhà sử dụng lao động cho thấy sinh viên mới tốt nghiệp còn bỡ ngỡ, chưa định hình được công việc tại cơ quan tuyển dụng, thời gian thực tập 2 tháng tại cơ sở là quá ngắn, năng lực tiếng Anh của sinh viên còn hạn chế, cần cập nhật nội dung về các công nghệ hiện đại.</p> <p>- Còn nhiều học phần chỉ có 1-2 tín chỉ.</p>	<p>- Tăng thời lượng thực hành, thực tập, bổ sung các học phần để tăng cường năng lực tiếng Anh cho sinh viên.</p> <p>- Cần sớm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, sinh viên dự định làm việc ở cơ quan nào thì đi thực tập tại cơ quan đó để SV làm quen với môi trường làm việc.</p> <p>- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan, phân tích ý kiến và cập nhật những nội dung về công nghệ hiện đại.</p> <p>- Rà soát lại những HP có 1-2 tín chỉ.</p>	<p>Trưởng Bộ môn Quản lý Tài Nguyên và Môi trường</p>	<p>Giảng viên bộ môn</p>	<p>Khi tiến hành rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của trường</p>	
<b>Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</b>					
<p>Tiêu chí 4.1.</p> <p>- Các phương thức truyền thông để truyền tải triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường tới các bên liên quan còn chưa đa dạng</p>	<p>- Cần đa dạng các phương thức truyền thông để truyền tải triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường tới các bên liên quan</p>	<p>Trưởng DH TN&amp;MT TPHCM</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QLTN MT</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>	
<p>Tiêu chí 4.2.</p> <p>- Chưa triển khai đánh giá tính hiệu quả của PPDH trong việc giúp người học đạt kết quả học tập mong đợi, rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cho người học, chưa phân bổ thời gian và hướng dẫn sinh viên tự học trong ĐCCT học phần.</p> <p>- Các câu hỏi khảo sát chưa thể hiện được sự đáp ứng chuẩn đầu ra của các hoạt động dạy và học</p>	<p>- Cần đánh giá tính hiệu quả của PPDH trong việc giúp người học đạt kết quả học tập mong đợi, đồng thời chú trọng rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cho người học, bổ sung nội dung hướng dẫn tự học của SV trong ĐCCT học phần.</p> <p>- Rà soát lại câu hỏi khảo sát để thể hiện sự đáp ứng chuẩn đầu ra của các hoạt động dạy và học.</p>	<p>Giảng viên phụ trách giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QLTN MT, Phòng KTDBCL&amp; TTGD</p>	<p>Khi tiến hành rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của trường</p>	

<p>Tiêu chí 4.3.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc tổ chức hội nghị/hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy còn hạn chế.</li> <li>- Nhiều học phần chưa phân bổ thời gian tự học và hướng dẫn sinh viên tự học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hội nghị/hội thảo hoặc khuyến khích giảng viên tham gia hội nghị hội thảo về đổi mới, cải tiến PPDH.</li> <li>- Mỗi nội dung trong từng học phần, cần phân bổ thời gian tự học và hướng dẫn sinh viên tự học.</li> </ul>	<p>Trường ĐH TN&amp;MT TPHCM, Giảng viên phụ trách giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QL.TN MT, Phòng KT&amp;ĐBCL GD trường ĐH TNMT</p>	<p>Khi tiến hành rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của trường</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học</b></p>					
<p>Tiêu chí 5.1.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đánh giá KQHT của một số học phần chưa thực sự gắn kết với CDR của CTĐT.</li> <li>- Chưa có mô tả cụ thể về phương pháp KTĐG kết quả tự học của SV trong đề cương chi tiết của tất cả các học phần.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát lại các phương pháp đánh giá KQHT để đảm bảo gắn với CDR của CTĐT.</li> <li>- Cần mô tả cụ thể về phương pháp KTĐG kết quả tự học của SV trong đề cương chi tiết học phần.</li> </ul>	<p>Bộ môn QL.TN và MT, Khoa Môi trường</p>	<p>Phòng KTĐBCL&amp; TTGD</p>	<p>Khi tiến hành rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của trường và ban hành quy định mới về phương pháp đánh giá</p>
<p>Tiêu chí 5.2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường chỉ có quy định tổ chức chấm phúc khảo đối với các học phần thi tự luận mà không có quy định khiêu nại kết quả đối với các hình thức khác như chấm đồ án, tiểu luận, bài tập lớn và TTTN, Khóa luận tốt nghiệp (Quyết định số 1096/QĐ-TĐH/TPHC, ngày 30/12/2016 Ban hành quy định tổ chức thi kết thúc học phần).</li> <li>- Quy định về thời gian làm bài thi tự luận và trắc nghiệm trên giấy 45- 60 phút (học phần từ 1-3 tín chỉ) và 75-90 phút (học phần từ 4 tín chỉ trở lên) là chưa thực sự phù hợp, đặc biệt đối với những học phần đặc thù.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung quy định tổ chức chấm phúc khảo đối với các học phần thi các hình thức khác như chấm đồ án, tiểu luận, bài tập lớn.</li> <li>- Điều chỉnh quy định về thời gian làm bài thi tự luận và trắc nghiệm trên giấy.</li> </ul>	<p>Phòng KTĐBCL&amp;T TGD, Phòng Đào tạo</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Thay đổi càng sớm càng tốt, cần ra quy định bổ sung khác phục những điểm tồn tại</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá cuối kỳ mới chi tập trung nhiều vào hình thức thi tự luận, không triển khai bằng hình thức vấn đáp, ít học phần được đánh giá bằng hình thức tiểu luận hoặc các hình thức khác. Như vậy rất khó có thể đánh giá được CDR về kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng mềm.</li> <li>- Mới đánh giá độ khó của đề thi qua phân tích phổ điểm, chưa đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của đề thi, chưa đánh giá hiệu quả, công bằng của các phương pháp kiểm tra đánh giá.</li> <li>- Cần phân tích nguyên nhân sinh viên bỏ thi và xây dựng giải pháp để giảm thiểu tình trạng này.</li> <li>- Chưa có cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi, tỷ lệ HP có ngân hàng đề thi thấp (chỉ có 24,6% HP có ngân hàng đề thi).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần đa dạng hóa hơn các PPDG cho các học phần, chú ý đến việc đánh giá CDR học phần và đánh giá các kỹ năng mềm.</li> <li>- Cần thực hiện phân tích, đánh giá đề thi, phân bố điểm sau khi thi; đánh giá hiệu quả, công bằng của các phương pháp kiểm tra đánh giá.</li> <li>- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi thi, đề thi.</li> </ul>	<p>Giảng viên giảng dạy môn học cần rà soát và cập nhật thêm hình thức thi vấn đáp và tiểu luận vào DCCCT môn học</p>	<p>Bộ môn QLTN và MT, Khoa Môi trường,</p>	<p>Khi chỉnh sửa DCCCT học phần</p>
<p>Tiêu chí 5.3.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu khảo sát “Lây ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên và về chất lượng phục vụ của nhà trường”: Ngoài các thông tin về môn học và các phương pháp kiểm tra, đánh giá còn bao gồm cả 20 tiêu chí khác như điều kiện hỗ trợ học tập, CTĐT và các hoạt động hỗ trợ khác. Như vậy nếu mỗi SV học 10 HP/mỗi kỳ thi phải tham gia đánh giá 10 lần các tiêu chí chung.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh nội dung mẫu phiếu khảo sát (có thể tách riêng nội dung các tiêu chí về điều kiện hỗ trợ học tập, CTĐT và các hoạt động hỗ trợ khác thành mẫu phiếu khác) để sinh viên không phải trả lời quá nhiều lần những nội dung chung trong mỗi đợt khảo sát.</li> </ul>	<p>Phòng KTDBCL&amp;T TGD</p>	<p>Bộ môn QLTN và MT, Khoa Môi trường</p>	<p>Khi điều chỉnh phiếu khảo sát trong năm học mới</p>
<p>Tiêu chí 5.5.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường chỉ có quy trình khiêu nại năm 2015, chưa có quy định cụ thể về khiêu nại điểm thi (phức khảo) mà các quy định này chỉ thể hiện chung chung trong quy định đào tạo và quy định thi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần rà soát, xây dựng quy định và quy trình khiêu nại điểm thi, bài thi (phức khảo).</li> </ul>	<p>Phòng KTDBCL&amp;T TGD</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>Khi rà soát các quy trình vào năm học mới</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 6. Đối ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</b></p>					
<p>Tiêu chí 6.1.</p>	<p>Chính sách thu hút GV, NCV và chế độ ưu đãi chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được người có</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách thu hút GV, NCV và chế độ ưu đãi để thu hút được người có trình độ</p>	<p>Phòng TCCB</p>	<p>Khoa MT</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>

	trình độ TS, có chức danh khoa học về làm việc tại Khoa, Trường	TS, có chức danh khoa học về làm việc tại Trường, Khoa.			
Tiêu chí 6.2.	Số giờ giảng bình quân cao, tỷ lệ vượt giờ giảng lớn, quá tải cho đội ngũ GV trong Khoa.	Tăng cường năng lực đội ngũ GV cơ hữu, điều chỉnh cân đối số giờ giảng của GV cơ hữu ở mức hợp lý.	Bộ môn QLTN và MT, Khoa Môi trường	Bộ môn QLTN và MT, Khoa Môi trường, phòng ĐT	Theo kế hoạch của trường
Tiêu chí 6.3.	Tiêu chí tuyển dụng chưa chú trọng đến việc tuyển chọn SV xuất sắc, tốt nghiệp loại giỏi, làm nhiệm vụ trợ giảng, có văn học tập cho CTĐT đào tạo, tạo nguồn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của CTĐT.	Có chính sách tuyển dụng SV xuất sắc, tốt nghiệp loại giỏi, làm trợ giảng, có văn học tập cho CTĐT đào tạo, tạo nguồn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của CTĐT.	Phòng TCCB	Khoa MT	Theo kế hoạch của trường
Tiêu chí 6.4.	Đề án vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực hiện (KPIs) của CB, GV và nhân viên trong Trường chưa thực sự đồng bộ, thống nhất làm cơ sở tuyển chọn, bổ nhiệm và đánh giá các vị trí việc làm trong Trường, Khoa.	Rà soát, điều chỉnh bổ sung, đồng bộ hóa các quy định về vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực hiện (KPIs) của CB, GV và nhân viên trong Trường.	Phòng TCCB	Khoa MT	Theo kế hoạch của trường
Tiêu chí 6.5	Quy trình khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo, giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV chưa được hoàn thiện.	Hoàn thiện quy trình khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo; giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV.	Phòng TCCB	Khoa Môi trường	Theo kế hoạch của trường
Tiêu chí 6.6.	Trường, Khoa chưa có văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động của cá nhân GV, NCV để quản trị theo kết quả đầu ra một cách hiệu quả đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và nhu cầu phát triển của cá nhân.	Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động của cá nhân GV, NCV đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và nhu cầu phát triển của cá nhân.	Phòng TCCB	Khoa Môi trường	Theo kế hoạch của trường
Tiêu chí 6.7	Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa chú trọng đến hoạt động phát triển CTĐT, phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng yêu cầu yêu cầu chuyên đổi mới trong giáo dục và đào tạo.	Khuyến khích, động viên, giao nhiệm vụ NCKH về hoạt động phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng yêu cầu yêu cầu chuyên đổi mới trong giáo dục và đào tạo.	Khoa Môi trường	Phòng ĐT, phòng KHCN&Q HN	Theo kế hoạch của trường

**Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

<p>Tiêu chí 7.1.</p> <p>Nhà trường chưa ban hành quy định/hướng dẫn một cách bài bản về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chưa tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên toàn trường.</p>	<p>Tiếp tục đánh giá, rà soát vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên của khối phòng/trung tâm, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng Ban mô tả công việc của từng vị trí việc làm. Ban hành quy định/hướng dẫn về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan (cấp trên, đồng nghiệp, nhà sử dụng lao động, người học,...) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.</p>	<p>Phòng TCCB</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>
<p>Tiêu chí 7.2.</p> <p>Các ý kiến góp ý về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên chưa nhiều, chất lượng góp ý chưa cao. Chưa sử dụng KPIS để đánh giá khi bổ nhiệm và luân chuyển viên chức. Trình độ đào tạo của nhiều nhân viên khi tuyển dụng còn ở mức thấp.</p>	<p>Tăng cường khảo sát/phân tích nhu cầu tuyển dụng, điều chuyển nhân viên. Sử dụng KPIS để đánh giá nhân viên khi bổ nhiệm và luân chuyển. Có kế hoạch về đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên sau khi tuyển dụng.</p>	<p>Phòng TCCB</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>
<p>Tiêu chí 7.3.</p> <p>Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn nặng về định tính, chưa có nhiều tiêu chí định lượng; Các tiêu chí về DTBD năng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ chưa được Nhà trường đưa vào Mục tiêu chỉ bất buộc là không còn phù hợp; Trong chu kỳ đánh giá Nhà trường chưa rà soát, cải tiến quy trình đánh giá năng lực của nhân viên.</p>	<p>Rà soát chức năng, nhiệm vụ tại các đơn vị hỗ trợ, trên cơ sở đó bổ sung các tiêu chí định lượng để đánh giá năng lực cho đội ngũ nhân viên. Định kỳ rà soát, cải tiến quy trình đánh giá; đa dạng hình thức, đối tượng đánh giá (nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, giảng viên đánh giá, người học đánh giá) nhằm nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đồng thời làm căn cứ để DTBD, điều chuyển, tuyển dụng nhân viên.</p>	<p>Phòng TCCB</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>
<p>Tiêu chí 7.4.</p> <p>Nhà trường đang sử dụng Quy định chế độ đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Bộ TN&amp;MT (QĐ số 186/QĐ-BTNMT</p>				



Tiêu chí 7.5.	<p>ngày 19/02/2013) và một số quy định, quy trình trong nhiều văn bản khác nhau (Kế hoạch ĐTBĐ hằng năm, Quy chế CTNB hàng năm, ...) mà chưa rà soát, để hợp nhất thành quy chế về ĐTBĐ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Số nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ trong chu kỳ đánh giá còn hạn chế.</p>	<p>Rà soát, hợp nhất văn bản quy định về ĐTBĐ cho công chức, viên chức và người lao động; tăng cường khảo sát nhu cầu ĐTBĐ của nhân viên để xây dựng kế hoạch ĐTBĐ cho giai đoạn tiếp theo, chú trọng ĐTBĐ về chuyên môn, nghiệp vụ gắn với vị trí việc làm, trực tiếp hỗ trợ cho CTĐT. Khoa/phòng/trung tâm sử dụng quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại các đơn vị.</p>	Phòng TCCB	Khoa Môi trường	Theo kế hoạch của trường
<b>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học</b>					
Tiêu chí 8.1.	<p>- Việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến liên quan về hoạt động tuyển sinh, phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động vào cải tiến chính sách, phương thức tuyển sinh chưa rõ ràng; chưa tích hợp, bổ sung quy trình tư vấn tuyển sinh trong quy trình tuyển sinh chung của trường; số lượng thí sinh đăng ký và nhập học có xu hướng giảm. - Kinh phí và nguồn lực đầu tư cho hoạt động tư vấn và truyền thông phục vụ tuyển sinh còn eo hẹp; chưa có thông tin đối sánh về tỉ lệ trúng</p>	<p>- Việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động tuyển sinh, phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động vào cải tiến chính sách, phương thức tuyển sinh cần rõ ràng và hiệu quả hơn, làm rõ việc phối hợp và cá nhân/đơn vị phụ trách cụ thể cho từng kế hoạch, công việc cần cải tiến, theo dõi và báo cáo cụ thể công tác cải tiến theo kế hoạch; tích hợp, bổ sung quy trình tư vấn tuyển sinh</p>	Trường ĐH TN&MT TPHCM	Khoa Môi trường, Bộ môn QLTN MT	Theo kế hoạch của trường

	<p>tuyển và nhập học với các trường đại học có ngành đào tạo tương đương trong cả nước.</p> <p>trong quy trình tuyển sinh chung của trường.</p> <p>- Kinh phí và nguồn lực đầu tư cho hoạt động tư vấn và truyền thông phục vụ tuyển sinh cần được nhanh chóng tăng cường, nhất là hình thức tuyển sinh trực tuyến; cập nhật và phân tích thông tin đối sánh về tỉ lệ trúng tuyển và nhập học với các trường đại học có ngành đào tạo tương đương trong cả nước, tăng nguồn học bổng để thu hút thí sinh đăng ký và nhập học</p>			
<p>Tiêu chí 8.2.</p> <p>- Chưa đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của từng phương thức xét tuyển bằng cách so sánh, phân tích kết quả học tập của người học năm đầu tiên theo từng phương thức, từng nguyên vọng để có sự điều chỉnh tỉ lệ chỉ tiêu cho từng phương thức sao cho tối ưu nhất.</p> <p>- Chưa xem xét, tìm hiểu việc mở rộng các tổ hợp xét tuyển đầu vào đa dạng hơn để tăng cường chất lượng đầu vào; chưa cải tiến quy trình tuyển sinh từ năm 2015</p>	<p>- Cần đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của từng phương thức xét tuyển bằng cách so sánh, phân tích kết quả học tập của người học năm đầu tiên theo từng phương thức, từng nguyên vọng để có cơ sở điều chỉnh tỉ lệ chỉ tiêu cho từng phương;</p> <p>- Có kế hoạch xem xét, tìm hiểu việc mở rộng các tổ hợp xét tuyển đầu vào đa dạng hơn trong bối cảnh tự chủ đề tăng cường chất lượng đầu vào, đối sánh với các trường đại học có ngành đào tạo tương đương; cải tiến quy trình tuyển sinh định kỳ.</p>	<p>Trường DH TN&amp;MT TP HCM</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QL TN MT</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>
<p>Tiêu chí 8.3.</p> <p>- Chưa văn bản hóa và ban hành quy trình cụ thể và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống, quy trình giám sát tiến bộ học tập, rèn luyện của người học; chưa lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các quy trình giám sát, hỗ trợ người học để cải tiến.</p> <p>- Phân mềm quản lý DT chưa cải tiến đủ để phù hợp với HCTC, tăng cường chia sẻ, phân</p>	<p>- Cần văn bản hóa và ban hành quy trình cụ thể và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống, quy trình giám sát tiến bộ học tập, rèn luyện của người học; lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các quy trình giám sát, hỗ trợ người học để cải tiến.</p>	<p>Trường DH TN&amp;MT TP HCM, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QL TN MT, Cố vấn học tập</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>

<p>quyền cho Khoa về phân kết quả học tập để Khoa và các CVHT chủ động theo dõi tình hình những người học yếu kém, thi không đạt nhanh chóng và có tính hệ thống hơn</p> <p>- Chưa có nhiều cuộc họp/trao đổi trực tiếp, định kỳ giữa các biên liên quan (BGH, Phòng ĐT, phòng CTSV, Khoa, CVHT...) cũng như cuộc họp giữa BCN Khoa với các CVHT nhằm tìm kiếm, chia sẻ kinh nghiệm về giải pháp hỗ trợ người học vượt qua những khó khăn trong học tập, đời sống và rèn luyện; chưa thống kê chi tiết nguyên nhân bỏ học đối với từng người học.</p>	<p>- Phân mềm quản lý ĐT cần cập nhật, cải tiến thêm cho phù hợp với HCTC (cho phép người học chủ động đăng ký các học phần), tăng cường chia sẻ, phân quyền cho Khoa và về phân kết quả học tập để Khoa và các CVHT chủ động theo dõi tình hình những người học yếu kém, thi không đạt nhanh chóng đầy đủ hơn, kịp thời nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định.</p> <p>- Cần tổ chức nhiều cuộc họp/trao đổi trực tiếp, định kỳ giữa các biên liên quan (BGH, Phòng ĐT, phòng CTSV, Khoa, CVHT...) cũng như cuộc họp giữa BCN Khoa với các CVHT nhằm tìm kiếm, chia sẻ kinh nghiệm về giải pháp hỗ trợ người học vượt qua những khó khăn trong học tập, đời sống và rèn luyện; thống kê chi tiết nguyên nhân bỏ học đối với từng người học, khảo sát và tư vấn khối lượng đăng ký môn học đối với người học có học lực và điều kiện học tập khác nhau.</p>	<p>Trưởng DH TN&amp;MT TPHCM, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QL.TN MT, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Cố vấn học tập</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>
<p>Tiêu chí 8.4.</p>	<p>- Việc đánh giá, phân tích nguyên nhân các hạn chế về các hoạt động tư vấn, ngoại khoá, hỗ trợ người học hàng năm trong các báo cáo tổng kết phong trào sinh viên chưa đồng bộ và chưa dựa trên đầy đủ các số liệu khảo sát, thống kê, thăm dò ý kiến có đối sánh và chưa đưa ra các đề xuất cải tiến cụ thể về cách thức, nội dung triển khai các hoạt động này cũng như theo dõi và báo cáo kết quả theo quy trình PDCA.</p>	<p>- Cần đánh giá, phân tích nguyên nhân các hạn chế về các hoạt động tư vấn, ngoại khoá, hỗ trợ người học hàng năm trong các báo cáo tổng kết đồng bộ và dựa trên đầy đủ các số liệu khảo sát, thống kê, thăm dò ý kiến có đối sánh và đưa ra các đề xuất cải tiến cụ thể về cách thức, nội dung triển khai các hoạt động này cũng như theo dõi và báo cáo kết quả</p>		

	<p>- Các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật, NCKH của người học chưa thu hút nhiều sinh viên tham gia, chưa tổ chức nhiều giao lưu với cựu người học và nhà tuyển dụng kết hợp chia sẻ chuyên đề theo hình thức trực tuyến nhằm giúp người học rèn luyện các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề...), định hướng về công nghệ theo yêu cầu thị trường lao động, chưa lấy ý kiến người học về hiệu quả các hoạt động giao lưu, chia sẻ này để cải tiến.</p>	<p>cải tiến theo quy trình PDCA.</p> <p>- Cần có nhiều biện pháp đa dạng giúp người học nhận thấy lợi ích của các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật, NCKH để thu hút sinh viên tham gia nhiều hơn; tăng cường tổ chức giao lưu với cựu người học và nhà tuyển dụng kết hợp chia sẻ theo hình thức trực tuyến nhằm giúp người học rèn luyện các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề...), định hướng về công nghệ theo yêu cầu đa dạng của thị trường lao động; lấy ý kiến người học về hiệu quả các hoạt động giao lưu, chia sẻ này để cải tiến.</p>	<p>Trường DH TN&amp;MT TPHCM, Phòng Công tác sinh viên</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QL TN MT, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Cố vấn học tập</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>
<p>Tiêu chí 8.5.</p>	<p>- Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người học chưa được chú trọng nhiều và chưa có bộ phận chuyên nghiệp, chuyên gia tâm lý để hỗ trợ người học hiệu quả khi gặp các khó khăn, áp lực trong học tập, cuộc sống.</p> <p>- Chưa có nhiều cải tiến về không gian, điều kiện vật chất như không gian thư viện, phòng tiếp sinh viên của giảng viên, không gian tự học, học nhóm,... để tạo môi trường thoải mái nhất cho người học trong học tập và nghiên cứu.</p>	<p>- Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người học cần được chú trọng nhiều hơn và thành lập bộ phận chuyên nghiệp, mời chuyên gia tâm lý (có thể ký hợp đồng làm việc theo giờ trực) để hỗ trợ người học hiệu quả khi gặp các khó khăn, áp lực trong học tập, cuộc sống.</p> <p>- Cần thúc đẩy các dự án cải thiện về không gian, điều kiện vật chất của Trường như không gian thư viện, phòng tiếp sinh viên của giảng viên, không gian tự học, học nhóm,... để tạo môi trường thoải mái nhất cho người học trong học tập và nghiên cứu.</p>	<p>Trường DH TN&amp;MT TPHCM, Phòng Công tác sinh viên</p>	<p>Khoa Môi trường, Bộ môn QL TN MT, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Cố vấn học tập</p>	<p>Theo kế hoạch của trường</p>

<b>Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b>					
Tiêu chí 9.1.	<p>Mặc dù Nhà trường đã có hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng với đầy đủ trang thiết bị phù hợp, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ giảng dạy, học tập với tổng diện tích sử dụng chính là 10.341 m<sup>2</sup> thấp hơn quy định về diện tích xây dựng theo thông tư 32/2015/TT-BGDĐT, 06/2018/TT-BGDĐT, 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&amp;ĐT. Diện tích văn phòng khoa bao gồm diện tích cho Ban chủ nhiệm khoa là 50m<sup>2</sup> thấp hơn nhiều so với quy định tại thông tư 03/2020/TT-BGDĐT.</p>	<p>Trường cần nỗ lực xây mới để nâng tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ giảng dạy, học tập đáp ứng quy định về diện tích xây dựng theo thông tư 32/2015/TT-BGDĐT, 06/2018/TT-BGDĐT, 03/2020/TT-BGDĐT. Bố trí sắp xếp diện tích làm việc cho GV trong khoa nhiều hơn. Nên mở rộng cơ sở đào tạo và văn phòng khoa ngay tại (236B Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh) để khả năng thu hút sinh viên được tốt hơn.</p>	<p>Trường ĐH TN&amp;MT TPHCM</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/Nhà trường</p>
Tiêu chí 9.2.	<p>Học liệu cho thư viện (bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo) chưa đủ so với danh mục tài liệu trong Đề cương chi tiết các môn học. Đầu tư cơ sở vật chất cho thư viện còn khá hạn chế, trong đó có diện tích thư viện, trang thiết bị, phòng đọc, hệ thống công nghệ thông tin, công từ kiểm soát vào ra, kiểm soát tài liệu, phần mềm Libol 6.0s hiện nay cho thư viện khá cũ và ít tính năng. Liên kết với các cơ sở dữ liệu của các Trung tâm lớn nhằm tạo điều kiện cho tra cứu sách phục vụ ĐT và NCKH còn hạn chế.</p>	<p>Cần tăng cường học liệu cho thư viện (bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo), đầu tư cơ sở vật chất thêm cho thư viện: tăng cường diện tích thư viện, nâng cấp trang thiết bị, phòng đọc, hệ thống công nghệ thông tin, công từ kiểm soát vào ra, kiểm soát tài liệu, đầu tư phần mềm mới thay thế cho phần mềm Libol 6.0s hiện nay cho thư viện. Tăng cường đầu tư thêm về Thư viện số, liên kết với các cơ sở dữ liệu của các Trung tâm lớn nhằm tạo điều kiện cho tra cứu sách phục vụ ĐT và NCKH.</p>	<p>Trường ĐH TN&amp;MT TPHCM</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/Nhà trường</p>
Tiêu chí 9.3.	<p>Thực hiện báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành còn chưa thường xuyên. Công tác duy tu, bảo dưỡng thiết bị đôi lúc chưa được thường xuyên</p>	<p>Cần thực hiện tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...) thường xuyên hơn. Thường xuyên</p>	<p>Trường ĐH TN&amp;MT TPHCM</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/Nhà trường</p>

	do số lượng nhân viên quản lý phòng máy còn hạn chế và phải kiêm nhiệm.	đuy tu, bảo dưỡng thiết bị và bố trí chuyên trách nhân viên quản lý phòng máy.			
<p>Chỉ 9.4.</p> <p>Tiêu chí 9.4.</p>	<p>Hệ thống Wifi còn khá yếu nên có những thời điểm việc truy cập Internet gặp khó khăn (bị chập). Phần mềm Quản lý đào tạo chung đã cũ và hết bản quyền, Trường còn sử dụng phần mềm Quản Lý Đào tạo cũ của CMC hết bản quyền để quản lý đào tạo.</p>	<p>Nhà trường cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm thường xuyên hơn; đồng thời nâng cấp hệ thống Wifi và tốc độ đường truyền nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng của CBGV và NH. Cần trang bị các phần mềm phục vụ tốt hơn cho Quản lý trong đó có Quản lý đào tạo thay thế cho phần mềm đã cũ và hết bản quyền hiện nay.</p>	<p>Trường DH TN&amp;MT TPHCM</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Nhà trường</p>
<p>Chỉ 9.5.</p> <p>Tiêu chí 9.5.</p>	<p>KTX của Trường tại cơ sở 2 tại Biên Hòa rất xa với nơi đào tạo tại Cơ sở 1 tại đường Lê Văn Sỹ. Một số cầu thang, lối đi lại thoát hiểm tại Cơ sở 1 quá nhỏ và khá nguy hiểm. Các vấn đề về môi trường và an toàn cho người khuyết tật còn hạn chế (chưa có lối đi, hệ thống nhà vệ sinh... đặc thù cho người khuyết tật).</p>	<p>Nhà trường cần có giải pháp khắc phục tình trạng bất tiện về KTX cho sinh viên, đặc biệt ngoài cơ sở tại Nhà Bè đang chuẩn bị xây dựng, có thể cần nhắc xây thêm các khu nhà phục vụ đào tạo và KTX ngay tại Cơ sở 1. Sớm khắc phục cầu thang, lối đi lại thoát hiểm quá nhỏ và nguy hiểm. Cải thiện các vấn đề về môi trường và an toàn cho người khuyết tật đặc biệt các công trình tiên tiến sửa chữa và xây mới.</p>	<p>Trường DH TN&amp;MT TPHCM</p>	<p>Khoa Môi trường</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Nhà trường</p>
<b>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</b>					
<p>Chỉ 10.1.</p> <p>Tiêu chí 10.1.</p>	<p>- Khoa chưa xây dựng riêng 2 bộ phiếu khảo sát (1) cho xây dựng/thiết kế CTDH; (2) cho cập nhật/phát triển CTDH mà dùng chung. - Nội dung khảo sát chưa phù hợp (Mục 12. Khảo sát mức độ cần thiết của các khối kiến thức là không đúng, hoặc dùng thang đo Likert 5 mức về mức độ cần thiết để khảo sát việc lựa chọn HP, ...).</p>	<p>- Xây dựng riêng 2 bộ phiếu khảo sát gồm (1) cho xây dựng/thiết kế CTDH và (2) cho cập nhật/phát triển CTDH. - Xem xét và bổ sung lại nội dung khảo sát, một số các nội dung chưa phù hợp. - Cần thực hiện đối sánh cụ thể ý kiến của các BLQ theo các năm để</p>	<p>Bộ môn QL TN&amp;MT</p>	<p>Phòng KTDBCL&amp; TTGD phối hợp để xây dựng</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường</p>

<p>Tiêu chí 10.2.</p>	<p>- Hiện tại, ý kiến phản hồi từ các BLQ qua các năm được thu thập và quản lý riêng lẻ. Chưa có hệ thống thông tin để lưu trữ các dữ liệu thu nhận được, chưa đối sánh qua các năm giúp đánh giá được mức độ cải tiến của CTDH đã thực hiện được so với các ý kiến đã đóng góp (Nội dung ý kiến các vấn đề liên quan của biên bản họp của HĐKH Khoa ngày 13/5/2020 giống với nội dung của biên bản họp ngày 15/4/2018). Thiếu các câu hỏi mở để thu thập các ý kiến đóng góp cho việc xây dựng CTDH. Ngoài Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành TN&amp;MT của Bộ TNMT năm 2011, từ năm 2016 cho đến nay CTDH ngành QLTNMT đã có ít nhất 1 chu kỳ đào tạo (5 năm) để cải tiến, tuy nhiên Khoa chưa có MC rà soát đánh giá CTDH qua 1 chu kỳ, chưa khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo mà chỉ chủ yếu dựa vào việc khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ hàng năm để cải tiến chương trình hiện có.</p>	<p>đánh giá mức độ cải tiến của CTDH theo các năm.          Xem lại nội dung ý kiến các vấn đề liên quan của biên bản họp của HĐKH khoa ngày 13/05/2020.          - Xây dựng thêm câu hỏi mở để thu thập các ý kiến đóng góp cho việc xây dựng CTDH.          - Xây dựng MC rà soát đánh giá CTDH qua 1 chu kỳ, đwak trên khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo.</p>	<p>Giảng viên thuộc bộ môn Quản lý tài nguyên và môi trường.</p>	<p>Phòng KTĐBCL&amp; TTGD phối hợp thực hiện.</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường</p>
<p>Tiêu chí 10.3</p>	<p>Thiếu một số bước như: (1) bước tổ chức đánh giá việc đạt CDR của HP và của CTĐT. (2) bước các đơn vị sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng (trong đó có cải tiến CTDH) như thế nào.          Các qui định về đánh giá quá trình dạy học, KTĐG chưa nhân mạnh đến việc đảm bảo sự tương thích với CDR cấp HP và cấp CTĐT theo các chỉ số đo lường (PIs_Performance indicators), cũng như cách thức đo lường CDR. Khoa xây dựng hệ thống rubric rất công phu. Tuy nhiên, GV chưa sử dụng để đánh giá HP. GV còn lúng túng khi thang năng lực trong</p>	<p>Bổ sung thêm một số bước:          - Tổ chức đánh giá việc đạt CDR của HP và của CTĐT.          - Đơn vị sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng.          Cần làm rõ các qui định về đánh giá quá trình dạy học, KTĐG đảm bảo sự tương thích với CDR cấp HP và cấp CTĐT theo các chỉ số PIs, cũng như cách thức đo lường CDR HP và CDR CTĐT. Điều chỉnh thang đo trong các rubric tương thích với thang đo trong quy chế học vụ, giúp</p>	<p>Giảng viên thuộc bộ môn Quản lý tài nguyên và môi trường.</p>	<p>Phòng KTĐBCL&amp; TTGD phối hợp thực hiện.</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường</p>

	<p>rubric chỉ có 4 mức, nhưng trong quy chế đào tạo thì có 5 mức.</p> <p>GV còn lúng túng khi hiểu về cách đo việc đánh giá đạt CDR của các HP và CDR của CTBDT. Khoa mới quan tâm đến việc rà soát đánh giá quá trình dạy học, PPDH và PPKTĐG là các minh chứng trực tiếp (Direct Evidence), thiếu các MC gián tiếp (Indirect Evidence) (khảo sát ý kiến NH về việc đạt CDT của HP sau khi học xong; sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp, ...), chưa xây dựng kế hoạch đo lường CDR của CTBDT.</p>	<p>GV sử dụng hệ thống rubric để đánh giá HP để sàng và thuận lợi hơn. Rà soát việc đánh giá đạt CDR của các HP và CDR của CTBDT. Xây dựng kế hoạch đo lường CDR của CTBDT. Bên cạnh các minh chứng trực tiếp là các kết quả học tập với các mức kì vọng đạt CDR của HP và của CTBDT, cần bổ sung một số minh chứng gián tiếp là các kết quả khảo sát ý kiến NH, ý kiến nhà tuyển dụng về các năng lực NH tốt nghiệp về việc đạt CDR CTBDT mong đợi,...</p>			
<p>Tiêu chí 10.4</p>	<p>Chưa xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động KHCHN. Kết quả NCKH của Khoa nhiều, đa dạng nhưng GV và SV chưa thể tiếp cận để đăng với nguồn thông tin khoa học này.</p>	<p>Xây dựng cơ sở dữ liệu (Tổng hợp, lưu trữ) và công bố các kết quả NCKH bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp GV và SV có thêm nguồn thông tin khoa học này.</p>	<p>Giảng viên thuộc bộ môn Quản lý tài nguyên và môi trường.</p>	<p>Phòng KTBCL&amp; TTGD phối hợp thực hiện.</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường</p>
<p>Tiêu chí 10.5.</p>	<p>- Việc đánh giá đánh giá chất lượng các dịch vụ tiện ích của Nhà trường chi mới căn cứ vào quy trình ISO, các ý kiến đóng góp của các bên liên quan mà chưa xây dựng bộ tiêu chí cụ thể, có các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cụ thể cho từng dịch vụ hỗ trợ.</p> <p>- Chưa xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ sau khi thu nhận ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Chưa có hệ thống quản lý đánh giá chất lượng dịch vụ sau cải tiến.</p>	<p>- Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể, có các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cụ thể cho từng dịch vụ hỗ trợ.</p> <p>- Xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ sau khi thu nhận ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu đánh giá, đối sánh kết quả đánh giá và phân tích kết quả sau cải tiến.</p>	<p>Bộ môn QLTN và MT</p>	<p>Phòng KTBCL&amp; TTGD phối hợp thực hiện.</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường</p>
<p>Tiêu chí 10.6.</p>	<p>- Trường xây dựng 5 loại quy trình khảo sát ý kiến các BLQ với 13 loại mẫu phiếu khảo sát nhưng chưa có biểu mẫu cho việc báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng của các đơn vị. Chưa có các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng của các đơn vị.</p>	<p>- Bổ sung biểu mẫu cho việc báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng của các đơn vị giúp việc kiểm soát chất lượng được chặt chẽ hơn.</p>	<p>GV phụ trách tiêu chuẩn 10</p>	<p>Phòng KTBCL&amp; TTGD phối hợp thực hiện.</p>	<p>Theo kế hoạch chung của Khoa/ Nhà trường</p>



	<p>- Nội dung lấy ý kiến phản hồi khá nhiều, chủ yếu khảo sát về mức độ hài lòng bằng các câu hỏi đóng, chưa chọn lọc các chủ đề/vấn đề lấy ý kiến có chủ đích. Nội dung thang đo trong các phiếu khảo sát để lựa chọn phương án trả lời chưa hợp lý (ví dụ: để khảo sát ý kiến các BLQ về việc có/không tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng CDR và CTĐT, Khoa dùng các mức góp ý từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý là không phù hợp).</p>	<p>- Cải tiến chất lượng thu thập thông tin theo hướng chọn lọc các chủ đề/vấn đề lấy ý kiến có chủ đích rõ ràng, sử dụng các câu hỏi mở để thu thập được những góp ý cải tiến chất lượng.</p>			
<p><b>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra</b></p>					
<p>Tiêu chí 11.1.</p>	<p>Việc đối sánh tỉ lệ TN và thời học của SV ngành QLTNMT với SV thuộc ngành khác trong Trường và ngành QLTNMT tại các Trường đại học khác trong nước chưa nhiều và thiếu thường xuyên. Nhà trường chưa thực hiện việc đối sánh CTĐT qua các năm của ngành QLTNMT với các CTĐT khác của Trường và với trường ĐH khác về tỷ lệ TN, thời học. Nhà trường chưa có đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp như chuyên gia tâm lý học đường</p>	<p>Khoa sẽ tiếp tục đối sánh tỉ lệ TN và thời học của SV ngành QLTNMT của các khóa 06 và 07. Xây dựng đội ngũ tư vấn viên (là CB các phòng ĐT, trợ lý các khoa, SV có học lực khá giỏi, GV CVHT) thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ SV có học lực yếu trong quá trình học tập;</p>	<p>Bộ môn QLTNMT</p>	<p>Phòng ĐT Phòng CTSV</p>	<p>Theo tiến độ của Khoa Môi trường</p>
<p>Tiêu chí 11.2.</p>	<p>Chương trình đào tạo có 137 TC được thiết kế với 67 học phần (bình quân 2TC/HP), có những HP chỉ có 1 TC nên khó đảm bảo cho phát triển kỹ năng nghề nghiệp và làm chậm tiến độ học tập của SV.</p>	<p>Khoa sẽ đánh giá lại CTĐT và rà soát CTĐT theo quy định 2 năm/lần và đồng thời rà soát để sát nhập các học phần 1 tín chỉ vào học phần tương ứng. Đánh giá ảnh hưởng của việc thiết kế CTĐT ngành QLTNMT với khá nhiều học phần (67HP, bình quân số tín chỉ là 2TC/HP) lên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.</p>	<p>Bộ môn QLTNMT</p>	<p>Phòng ĐT</p>	<p>Theo tiến độ của Khoa Môi trường</p>

<p>Tiêu chí 11.3.</p>	<p>Mặc dù Nhà trường đã triển khai khảo sát tỷ lệ SV có việc làm nhưng còn thiếu phân tích nguyên nhân tỉ lệ không có việc làm của NH sau khi TN để thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa sẽ tiếp tục khảo sát nguyên nhân của khóa 06 và 07.</li> <li>- Tổ chức Thực hiện công tác thông kê, theo dõi thường xuyên thị trường việc làm, để nắm bắt xu hướng phát triển việc làm và tư vấn hướng nghiệp kịp thời cho SV.</li> <li>- Tăng cường thực hành, thực tập thực tế để giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp hơn trong tương lai.</li> </ul>	<p>Bộ môn QLTNMT</p>	<p>Phòng KTPBCL&amp; TTGD Phòng CTSV</p>	<p>Theo tiến độ của Khoa Môi trường</p>
<p>Tiêu chí 11.4.</p>	<p>Đầu tư tài chính cho hoạt động sinh viên NCKH của trường rất thấp so với quy định (tối thiểu bằng 3% nguồn thu học phí của trường). Đặc biệt có năm không thấy chi ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tỷ lệ số lượng SV tham gia NCKH so với tổng số SV của ngành chưa cao, phần lớn SV đại trà tham gia hoạt động NCKH là thông qua đồ án tốt nghiệp (năm cuối).</p>	<p>Khoa sẽ định hướng Nhà trường thành lập quỹ KHON gắn với hoạt động NCKH của SV, đảm bảo ngân sách trích tối thiểu 3% nguồn thu học phí trích lập vào quỹ cho các hoạt động NCKH của SV.</p>	<p>Bộ môn QLTNMT</p>	<p>Phòng KHCHN&amp;QH DN</p>	<p>Theo tiến độ của Khoa Môi trường</p>
<p>Tiêu chí 11.5.</p>	<p>Việc lấy ý kiến mức độ hài lòng các bên liên quan chưa gắn liền với CDR chương trình đào tạo để có căn cứ cho cải tiến chất lượng, đặc biệt một kỹ năng có mức độ hài lòng thấp của nhà tuyển dụng: sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng ICT, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý thời gian, kiến tạo sản phẩm;</p>	<p>Tiếp tục đánh giá mức độ hài lòng các bên liên quan và lồng ghép nội dung CDR trong phiếu đánh giá cho các khóa 06 và 07. Đa dạng hóa nội dung và phương pháp khảo sát về mức độ hài lòng gắn với CDR của CTDT để ý kiến phản hồi gắn với cải tiến chất lượng CTDT.</p>	<p>Bộ môn QLTNMT</p>	<p>Phòng KTPBCL&amp; TTGD Phòng CTSV</p>	<p>Theo tiến độ của Khoa Môi trường</p>

## Kế hoạch khắc phục và cải tiến các tồn tại sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
TC1/TC 1.1	<p>Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2020, Nhà trường và Khoa đã tổ chức lấy kiến của 15 nhà sử dụng lao động, tuy nhiên chưa tham khảo ý kiến của chuyên gia như nhà khoa học ngoài trường.</p> <p>Mục tiêu của CTĐT còn diễn đạt chưa đủ thông tin, chưa thể hiện được việc “đào tạo kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ phải có kiến thức chuyên môn thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu, rộng...”.</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh CTĐT, Khoa TĐBĐ&amp;TTĐL tiến hành tham khảo rộng rãi hơn ý kiến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT nhằm đảm bảo tính cập nhật và phù hợp của mục tiêu với những thay đổi về tâm nhìn, sứ mạng của Nhà trường cũng như những biến động về nhu cầu của thị trường lao động.</p>	Khoa TĐBĐ & TTĐL	Phòng Đào tạo, Phòng KT, ĐBCL & TTGD	Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần
TC1/TC 1.2	<p>CTĐT chưa thể hiện rõ cấu trúc của CDR theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Quyết định ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam): cần phân biệt rõ kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử;</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh CTĐT lần sắp tới, Nhà trường/Khoa điều chỉnh lại các CDR thể hiện rõ cấu trúc của CDR theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam (1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016) phải phân biệt rõ kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử.</p>	Khoa TĐBĐ & TTĐL	Phòng Đào tạo, Phòng KT, ĐBCL & TTGD	Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần

	<p>CDR sử dụng động từ khó đo lường và khó xác định mức độ đạt được trong khoảng thời gian nhất định như ELO8 – “Đạt một trong các chuẩn...” và “Sử dụng được tiếng Anh để hoàn thành...”, “Thể hiện sự chủ động...”, “Thực hiện tốt...”, “Đánh giá và cải thiện hiệu quả...”. Việc sắp đặt CDR về kiến thức ELO4 – “Sử dụng được các thiết bị...” chưa phù hợp với CDR về kiến thức, nên chuyển sang CDR về kỹ năng của CTDĐT.</p> <p>CDR của CTDĐT chưa nêu cụ thể mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp về “Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định” theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016).</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh CTDĐT Nhà trường và Khoa cần lưu ý những động từ thể hiện CDR của CTDĐT, cần lượng hóa được mục tiêu đào tạo theo các yêu cầu cụ thể về kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp mà ngành Trắc địa-Bản đồ hướng tới, đảm bảo sự tương thích giữa Mục tiêu và các CDR cũng như các định hướng nghề nghiệp sát với đặc thù của 03 chuyên ngành (Trắc địa công trình; Kỹ thuật địa chính, Địa tin học), phân biệt rõ hơn giữa kiến thức và Kỹ năng/năng lực nghiệp vụ của 03 chuyên ngành mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp CTDĐT.</p> <p>Rà soát, điều chỉnh CTDĐT lần sắp tới, Nhà trường/Khoa phải nêu cụ thể, tương minh mức tự chủ và trách nhiệm của người học về “Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định”.</p>	<p>Khoa TDBD &amp;TTDL</p>	<p>Phòng Đào tạo, Phòng KT,DBCL&amp; TTGD</p>	<p>Theo kế hoạch cập nhật CTDĐT định kỳ 2 năm/lần</p>
<p>TCT/TC 1.3</p>	<p>Nghiên cứu báo cáo kết quả khảo sát nhà sử dụng lao động ghi nhận với số lượng mẫu ít nên hạn chế việc tìm hiểu và khai thác tồn tại để cải tiến nâng cao chất lượng của CTDĐT trực tiếp từ thị trường lao động</p>	<p>Khoa TDBD&amp;TTDL có kế hoạch định kỳ khảo sát các bên liên quan một cách bài bản CDR của CTDĐT để có những điều chỉnh phù hợp; như mở rộng việc thu thập ý kiến phản hồi, phân tích, đánh giá để nắm bắt nhu cầu của các bên liên quan một cách đầy đủ, đặc biệt là NSDLEĐ và các nhà khoa học/chuyên gia ngoài trường để đảm bảo CDR phản ánh được chính xác hơn nhu cầu thị trường lao động.</p>	<p>Khoa TDBD &amp;TTDL</p>	<p>Phòng CTSV, Phòng KT,DBCL&amp; TTGD</p>	<p>Theo kế hoạch cập nhật CTDĐT định kỳ 2 năm/lần</p>

	<p>Qua phỏng vấn 25 SV đang được đào tạo tại Trường năm 1 (K10) năm 2 (K9) năm 3 (K8) và năm 4 (K7) ghi nhận SV ít quan tâm đến CDR của CTĐT. Có 01 SV trả lời được biết đến CDR nhưng không nhớ nội dung của CDR.</p>	<p>Trong đợt khảo sát sắp tới, chủ động tổ chức diễn đàn để phổ biến ý nghĩa của CDR CTĐT tới người học và GV để chủ động hơn nữa trong quá trình học tập và giảng dạy của mình.</p>	<p>Khoa TĐBĐ &amp;TTĐL</p>	<p>Phòng CTSV, Phòng KT,ĐBCL&amp; TTGD</p>	<p>Hàng năm</p>
<p>TC2/TC 2.1</p>	<p>Tên CTĐT dịch sang tiếng Anh trên Bảng tốt nghiệp không giống với tên của CTĐT trong bản mô tả CTĐT đã được phê duyệt (Geodesy và Surveying)</p> <p>Tên chuyên ngành chưa thống nhất giữa tên văn bằng và nội dung trong bản mô tả CTĐT (địa tin học và cntt địa lý)</p> <p>Cuốn CTĐT ngành Kỹ thuật TĐBĐ chính quy chưa bao gồm bảng ma trận thể hiện mức độ đóng góp của các CDR của CTĐT cũng như vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Bảng ma trận đang là các trang tách rời, không được đóng chung vào cuốn CTĐT và vị trí việc làm được trình bày trong Quyết định về việc công bố CDR trình độ đại học các ngành/CTĐT của Trường ĐH TN&amp;MT Tp.HCM (số 451/QĐ-TĐHTHCM ngày 10/7/2020).</p>	<p>Thông nhất tên gọi bằng tiếng Anh của CTĐT</p> <p>Thông nhất tên chuyên ngành của CTĐT</p> <p>Bổ sung bảng ma trận thể hiện mức độ đóng góp của các CDR của CTĐT cũng như vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp vào cuốn CTĐT theo quyết định</p>	<p>Khoa TĐBĐ &amp;TTĐL</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>2023</p>
<p>TC2/TC 2.2</p>	<p>Giáo trình và tài liệu tham khảo của một số học phần chưa được cập nhật nên khó có thể phát huy được hiệu quả như kỳ vọng. Qua kiểm tra tại Thư viện ghi nhận: một số liệu trong danh mục của ĐCCT HP không có trong Thư viện để SV có thể tự tra cứu trong học tập. Phòng vấn SV đang theo học thì được trả lời là ít sử dụng tài liệu Thư viện, mà chủ yếu do GV cung cấp hoặc mua lại của SV khóa đã học trước đó.</p>	<p>Tiến hành rà soát và cập nhật danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo của các học phần có trong CTĐT, cập nhật các giáo trình mới thuộc các lĩnh vực liên quan để đảm bảo chất lượng dạy và học. Lập danh sách các đầu mục sách, giáo trình có trong danh mục tham khảo thể hiện trong ĐCCT HP nhưng chưa có tại Thư viện. Kiến nghị đề xuất với nhà trường bổ sung những đầu mục sách, giáo trình còn thiếu.</p>	<p>Khoa TĐBĐ &amp;TTĐL</p>	<p>Trung tâm TTTTV</p>	<p>2023</p>

	<p>DCHP của nhiều HP không phân bổ thời lượng tự học và hướng dẫn tự học cũng như chưa mô tả chi tiết và đầy đủ thông tin về số trang và tên học liệu cụ thể theo từng nội dung học để SV dễ theo dõi và chủ động thực hiện việc tự học một cách hiệu quả.</p>	<p>Tiến hành rà soát, kiểm tra các ĐCCT HP, bổ sung thời lượng tự học, tự nghiên cứu cũng như hướng dẫn tự học cho SV. Rà soát và bổ sung thông tin về số trang và tên tài liệu học tập cụ thể theo từng nội dung học để SV dễ theo dõi và chủ động thực hiện việc tự học một cách hiệu quả.</p>	<p>Khoa TBBĐ &amp;TTDL</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>2023</p>
	<p>Một số HP đặt tên chưa rõ hoặc dịch sang tiếng anh chưa rõ để có thể được công nhận bởi các cơ sở giáo dục đại học khác trong nước hoặc khu vực.</p>	<p>Tiến hành rà soát và cập nhật, đặt tên lại cho các HP sao cho có thể dịch sang tiếng Anh để có thể tiến tới công nhận lẫn nhau các HP trong CTĐT Kỹ thuật TĐBĐ của các cơ sở giáo dục đại học khác trong nước và khu vực.</p>	<p>Khoa TBBĐ &amp;TTDL</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>2023</p>
TC2/TC 2.3	<p>Khoa chưa tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan (đặc biệt là nhà tuyển dụng, cựu người học) về sự tiếp cận thuận lợi, dễ dàng đối với bản mô tả CTĐT và đề cương học phần để có sự rà soát, điều chỉnh đảm bảo tính hiệu quả cao cho sự tiếp cận của các bên liên quan.</p>	<p>Triển hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan (đặc biệt là nhà tuyển dụng, cựu người học) về sự tiếp cận thuận lợi, dễ dàng đối với bản mô tả CTĐT và đề cương học phần để có sự rà soát, điều chỉnh đảm bảo tính hiệu quả cao cho sự tiếp cận của các bên liên quan.</p>	<p>Khoa TBBĐ &amp;TTDL</p>	<p>Phòng KTBCL &amp;TTGD</p>	<p>2023</p>
TC3/TC 3.1	<p>Nhà trường chưa tổ chức rà soát sự khớp nối giữa CTDH và CDR của CTĐT để đánh giá được chính xác sự phù hợp giữa CTDH với CDR của CTĐT qua ma trận thể hiện sự đáp ứng giữa phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập và loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp với việc đạt CDR của từng học phần, từ đó thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần trong việc hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR của toàn CTĐT.</p>	<p>Tổ chức rà soát lại CTDH, bổ sung các thông tin về phương pháp dạy học, hình thức và phương pháp KTĐG hướng tới việc đạt CDR của CTĐT. Rà soát sự khớp nối giữa CTDH và CDR của CTĐT để đánh giá được sự chính xác, sự phù hợp giữa CTDH với CDR của CTĐT thông qua ma trận thể hiện sự đáp ứng giữa phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập và phương pháp KTĐG phù hợp với việc đạt CDR của từng học phần, từ đó thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần trong việc hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR của toàn CTĐT.</p>	<p>Khoa TBBĐ &amp;TTDL</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>2023</p>

TC3/TC 3.2	<p>CDR của HP chưa hoàn toàn rành mạch và chưa thể hiện sự kết nối rõ ràng với CDR của CTĐT. Lưu ý HP “Đề án tốt nghiệp” và “Thực tập tốt nghiệp” nên tập trung đóng góp cho các CDR bậc cao (High) trực tiếp đến chuyên sâu của chuyên ngành, mà không phải 15/15 CDR như hiện nay.</p> <p>Khi viết 01 CDR thì nên sử dụng 01 động từ cụ thể, có thể đo lường được và có tính khả thi. Có CDR khá dài dòng như “Chủ động học tập, rèn luyện tính cẩn thận và chính xác, tích lũy kinh nghiệm; tích cực nghiên cứu cập nhật khoa học công nghệ mới và có ý thức học tập suốt đời; có trách nhiệm với môi trường và xã hội, chủ động hợp tác trong công việc nhằm nâng cao năng lực của tập thể và hiệu quả của công việc” xuất hiện trong HP “Đề án tốt nghiệp” và “Thực tập tốt nghiệp”.</p>	<p>Tiến hành rà soát lại CDR của các HP có trong CTĐT để đảm bảo sự rõ ràng, rành mạch, thể hiện sự kết nối rõ ràng giữa CDR của các HP với CDR của CTĐT. Hoàn thiện CDR của HP “Đề án tốt nghiệp” và “Thực tập tốt nghiệp” tập trung đóng góp cho các CDR bậc cao trực tiếp hướng đến chuyên sâu của chuyên ngành.</p>	Khoa TĐBĐ &TTĐL	Phòng Đào tạo	2023
TC3/TC 3.3	<p>Khoa TĐBĐ&amp;TTĐL chưa tham khảo CTDH cụ thể, chi tiết đến các chương mục giảng dạy của mỗi học phần, cũng chưa họp để trao đổi, chia sẻ cấu trúc, nội dung giảng dạy từng học phần của các sở sở giáo dục đại học khác về đào tạo kỹ sư Kỹ thuật TĐBĐ.</p>	<p>Tiến hành rà soát và viết lại CDR của các HP đang trình bày khá dài, chưa cụ thể; sử dụng 01 động từ cụ thể, có thể đo lường được và có tính khả thi.</p>	Khoa TĐBĐ &TTĐL	Phòng Đào tạo	2023
TC3/TC 3.3	<p>Khoa TĐBĐ&amp;TTĐL chưa tham khảo CTDH cụ thể, chi tiết đến các chương mục giảng dạy của mỗi học phần, cũng chưa họp để trao đổi, chia sẻ cấu trúc, nội dung giảng dạy từng học phần của các sở sở giáo dục đại học khác về đào tạo kỹ sư Kỹ thuật TĐBĐ.</p>	<p>Tiến hành tham quan, gặp gỡ trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm phát triển CTĐT Kỹ thuật TĐBĐ với các cơ sở GD ĐH khác trong nước và quốc tế (nếu có cơ hội) để cùng nhau đánh giá và tìm ra điểm mạnh của mỗi CTĐT để hoàn thiện CTĐT của Trường.</p>	Khoa TĐBĐ &TTĐL	Phòng KHCN &QHĐN	2023

TC4/TC 4.1	Nhà trường/Khoa chưa khảo sát về mức độ rõ ràng của triết lý giáo dục đối với đội ngũ cán bộ, GV, NV và người học trong trường cũng như các bên liên quan để làm cơ sở xây dựng và kết nối một cách hệ thống, nhất quán giữa mục tiêu và CDR từng CTDT, nội dung CTDH, các hoạt động và phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá và các mặt hoạt động khác của Nhà trường	Nhà trường/Khoa tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hiểu và tính rõ ràng của triết lý giáo dục của Trường, thể hiện rõ quan điểm về đích đến của giáo dục, cách tiếp cận, vai trò của người dạy và người học trong các hoạt động hướng đến mục tiêu giáo dục, để làm cơ sở cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp dạy-học và các hoạt động liên quan.	Phòng KT,DBCL &TTGD	Khoa TBBĐ&TTD L. Phòng Đào tạo	năm học 2023-2024
TC4/TC 4.2	Khoa TBBĐ&TTDL chưa tổ chức tổng kết đánh giá về tính phù hợp của các hoạt động học tập để giúp SV có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CDR.	Khoa TBBĐ&TTDL định kỳ hàng năm tổng kết đánh giá một cách bài bản về hoạt động học tập của SV để có thêm thông tin xác thực nhằm định hướng các phương pháp học tập và giảng dạy phù hợp và hiệu quả hơn.	Phòng KT,DBCL &TTGD; Phòng CTSV	Khoa TBBĐ&TTD L	Theo kế hoạch cập nhật CTDT định kỳ 2 năm/lần



	<p>Trong đề cương các học phần chưa thể hiện được mô hình dạy học mới như kết hợp (Blended Learning) hay lớp học đảo ngược (Flipped classroom).</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh, cập nhật trong CTĐT sắp tới phải thể hiện rõ mô hình dạy học mới như kết hợp (Blended Learning) hoặc lớp học đảo ngược (Flipped classroom) đến hoạt động tự học/tự nghiên cứu với thời lượng và nội dung tự học, hướng dẫn tự học, đánh giá kết quả tự học cụ thể ngay trong bản mô tả CTĐT được Nhà trường ban hành.</p>	<p>Khoa TĐBĐ&amp;T TĐL</p>	<p>Phòng đào tạo</p>	<p>Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần</p>
<p>TC4/TC 4.3</p>	<p>Có ít HP sắp xếp nội dung tự học, tự nghiên cứu cho người học trong ĐCCT, trong khi bản mô tả CTĐT không thể hiện việc phân bổ thời lượng tự học và nội dung, cũng như hướng dẫn tự học để tăng cường khả năng học tập suốt đời.</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT sắp tới Khoa TĐBĐ&amp;TTĐL cần sắp xếp, phân bổ lại và chú trọng hơn nữa việc phát triển các kỹ năng mềm cho SV như giao tiếp xã hội, và khả năng học tập suốt đời như tư duy phê phán, phản biện, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá, sử dụng thông tin, tính hiếu học, niềm đam mê với tri thức.... Tăng các hoạt động trải nghiệm thực tế gắn với nội dung chuyên môn cho người học; tăng cường kết nối doanh nghiệp và các chuyên gia ngoài trường tham gia vào quá trình đào tạo.</p>	<p>Khoa TĐBĐ&amp;T TĐL</p>	<p>Phòng đào tạo; Phòng CTSV</p>	<p>Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần</p>
<p>TC5/TC 5.1</p>	<p>Khoa chưa tiến hành rà soát đánh giá hiệu quả các hình thức kiểm tra đánh giá, trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV giảng dạy học phần và ý kiến phản hồi của SV từ đó đưa ra các kế hoạch lựa chọn và điều chỉnh hình thức phù hợp</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh một số hình thức thi/kiểm tra phù hợp với đặc thù HP để nhằm đảm bảo 100% các CDR của học phần được đánh giá đầy đủ; đa dạng hoá các phương pháp, hình thức KTĐG tiên tiến đảm bảo việc đánh giá KQHT từng học phần thể hiện mức độ đạt được CDR học phần (đánh giá sự tiến bộ trong quá trình; đánh giá qua dự án, tiểu luận, sản phẩm cá nhân hoặc nhóm, qua quan sát, người học tự đánh giá dựa trên các rubrics công khai và đánh giá lẫn nhau...)</p>	<p>Khoa TĐBĐ &amp;TTĐL</p>	<p>Phòng KT, ĐBCL&amp;TTGD</p>	<p>Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần</p>

		Tăng cường tập huấn phát triển năng lực về khảo thí cho đội ngũ cán bộ phụ trách chuyên môn và GV.	Phòng KT, DBCL&T TGD	Khoa TBBD &TTDL	Theo chu kỳ đánh giá CTDĐT
		Tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của người học và ý kiến tổng hợp của giảng viên để cải tiến phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho phù hợp hơn.	Phòng KT, DBCL&T TGD	Khoa TBBD &TTDL	Hàng năm
TC5/TC 5.2	Các yêu cầu về KTDG hầu như được thiết kế giống nhau, chưa thật bám sát vào yêu cầu cần đạt của các nội dung và CDR của từng HP	Khi đưa ra những quy định về KTDG thì GV cần nghiên cứu kỹ yêu cầu cần đạt CDR của học phần để đề xuất những hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp, rõ ràng. Đồng thời, nên xem xét quy định và hướng dẫn thực hiện các dạng thức thi KTDG để đánh giá được mức độ đạt CDR của CTDĐT, CDR của từng học phần. Ví dụ, HP trang bị kỹ năng nên tập trung vào đánh giá thực hành, bài tập nhóm, bài tập lớn cuối HP, vấn đáp...; Các HP trang bị kiến thức thì bài kiểm tra hoặc bài thi tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan.	Khoa TBBD &TTDL	Phòng Đào tạo, Phòng KT,DBCL&TTGD	Theo kế hoạch cập nhật CTDĐT định kỳ 2 năm/lần
TC5/TC 5.3	Chưa có ngân hàng câu hỏi thi và đề thi dùng cho tự luận và trắc nghiệm; chưa có quy định về khâu thẩm định câu hỏi thi/ đề thi của chuyên gia; phương pháp ĐGKQ học tập của SV tập trung chủ yếu vào bài thi tự luận (1 đề thi được chọn từ 2 đề) hoặc trắc nghiệm (1 đề thi với 4 mã đề), nên hạn chế độ tin cậy và khó xác định độ giá trị cũng như độ công bằng của KQ thi.	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi với số lượng bao phủ nội dung đề đánh giá được mức độ đạt CDR của HP, lưu ý số lượng câu hỏi thi và đề thi khi dùng cho các bài thi tự luận và trắc nghiệm khách quan. Khi thiết kế đề thi, đảm bảo bao gồm câu hỏi từ khó đến dễ để phân biệt được học lực của SV và làm cơ sở để hỗ trợ SV cải thiện việc học tập sau này.	Khoa TBBD &TTDL	Phòng KT,DBCL&TTGD	Theo kế hoạch của trường

	Chưa tiến hành rà soát, đánh giá các kết quả thi để đánh giá độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy, độ giá trị của đề thi và mức độ đạt CĐR của học phần và làm cơ sở cho các cải tiến nâng cao chất lượng đề thi.	Khoa cần chủ động thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá chất lượng câu hỏi thi để xác định được độ tin cậy của đề thi, làm cơ sở cho các cải tiến nâng cao chất lượng công việc làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng công tác KTĐG kết quả học tập của người học.	Khoa TĐBĐ & TTĐL	Phòng KT, ĐBCL & TTGD	Theo chu kỳ đánh giá CTĐT
TC5/TC 5.4	Hình thức phản hồi kết quả học tập chưa đa dạng, phong phú mà chủ yếu là báo điểm thi qua trang điện tử của Nhà trường, do đó, chưa phát huy được hết tác dụng trong việc giúp người học có các biện pháp kịp thời cải thiện kết quả học tập.	Khoa khuyến khích GV sử dụng các hình thức phản hồi đa dạng khác như nhận xét bằng lời nói hoặc viết, gặp trực tiếp SV, tổ chức hoạt động phản hồi theo nhóm, v.v. nhằm hướng tới việc tạo tác động tích cực của KTĐG đến việc học của SV, giúp SV có đầy đủ thông tin để cải thiện việc học tập của mình.	Ban Giám Hiệu (Đưa chủ trương)	Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Khoa TĐBĐ & TTĐL	Theo học kỳ
	Ở một số thời điểm, việc truy cập vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để xem KQHT bị hạn chế, nghẽn mạng, gây khó khăn cho người học	Nhà trường nên có kế hoạch cải thiện đường truyền và phần mềm quản lý đào tạo để đảm bảo SV có thể truy cập vào hệ thống quản lý KQHT thuận lợi để biết và có kế hoạch cải thiện việc học tập của mình.	Trung Tâm TTTV	Phòng Đào tạo	Từ 2024
TC5/TC 5.5	Văn bản quản lý liên quan trực tiếp đến quy trình khiếu nại về KQHT được ban hành từ năm 2016 và vẫn hiệu lực trong khi đã trải qua 2 lần chỉnh sửa CTĐT (năm 2017 và 2020)	Nhà trường nên xem xét, rà soát văn bản “Quy định tổ chức thi và báo điểm thi kết thúc học phần (1096/QĐ-TĐHTPHCM ngày 30/12/2016)” và cập nhật, lưu ý đến việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại trực tuyến	Ban Giám Hiệu	Phòng KT, ĐBCL & TTGD	Từ 2024
TC6/TC 6.1	Chính sách thu hút GV, NCV và chế độ ưu đãi chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được người có trình độ TS, có chức danh khoa học về làm việc tại Khoa, Trường; số lượng PGS trong khoa chưa đạt được mục tiêu quy hoạch của Trường.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách thu hút GV, NCV và chế độ ưu đãi để thu hút được người có trình độ TS, có chức danh khoa học về làm việc tại Trường, Khoa; có kế hoạch thực hiện mục tiêu về số lượng PGS theo quy hoạch của Trường.	P. TCCB	Khoa TĐBĐ & TTĐL	2021-2025
TC6/TC 6.2	Số giờ giảng bình quân cao, tỷ lệ vượt giờ giảng lớn, đội ngũ GV trong Khoa quá tải do việc tham gia giảng dạy cho nhiều CTĐT khác trong Trường.	Có kế hoạch bổ sung đội ngũ GV cơ hữu trong Khoa, điều chỉnh số giờ giảng của GV cơ hữu ở mức hợp lý.	P. TCCB	Khoa TĐBĐ & TTĐL	2021-2025

TC6/TC 6.3	Tiêu chí tuyển dụng chưa chú trọng đến việc tuyển chọn SV xuất sắc, tốt nghiệp loại giỏi, làm nhiệm vụ trợ giảng, cố vấn học tập cho CTDT đào tạo, tạo nguồn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của CTDT.	Cần có chính sách tuyển dụng SV xuất sắc, tốt nghiệp loại giỏi, làm trợ giảng, cố vấn học tập cho CTDT đào tạo, tạo nguồn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của CTDT.	P. TCCB	Khoa TBBĐ&TTĐ L	2021-2025
TC6/TC 6.4	Đề án vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực hiện (KPIs) của CB, GV và nhân viên trong Trường chưa sự đồng bộ, thiếu sự thống nhất trong việc tuyển chọn, bổ nhiệm và đánh giá các vị trí việc làm trong Trường, Khoa.	Rà soát, điều chỉnh bổ sung, đồng bộ hóa các quy định về vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực hiện (KPIs) của CB, GV và nhân viên trong Trường	P. TCCB	Khoa TBBĐ&TTĐ L	2021-2025
TC6/TC 6.5	Quy trình khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo, giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV chưa được hoàn thiện.	Trường cần hoàn thiện quy trình khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo; giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV.	P. TCCB	Khoa TBBĐ&TTĐ L	2021-2025
TC6/TC 6.6	Trường, Khoa chưa có văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động của cá nhân GV, NCV để quản trị theo kết quả đầu ra một cách hiệu quả đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và nhu cầu phát triển của cá nhân	Trường, Khoa cần xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động của cá nhân GV, NCV đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và nhu cầu phát triển của cá nhân.	P. TCCB	Khoa TBBĐ&TTĐ L	2021-2025
TC6/TC 6.7	Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa chú trọng đến hoạt động phát triển CTDT, phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng yêu cầu yêu cầu chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo.	Khuyến khích, động viên, giao nhiệm vụ NCKH về hoạt động phát triển CTDT, đổi mới phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng yêu cầu yêu cầu chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo.	P. KH&CN&Q HDN	Khoa TBBĐ&TTĐ L; P. KTBBĐ&TTĐ TGD	2021-2025

TC7/TC 7.1	<p>Nhà trường chưa ban hành quy định/hướng dẫn một cách bài bản về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chưa tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên toàn trường</p>	<p>Nhà trường/Khoa cần tiếp tục đánh giá, rà soát vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên của khối phòng/trung tâm, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm. Ban hành quy định/hướng dẫn về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan (cấp trên, đồng nghiệp, nhà sử dụng lao động, người học,...) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.</p>	P. TCCB	Khoa TĐBĐ&TTĐ L	2021-2025
TC7/TC 7.2	<p>Các ý kiến góp ý về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên chưa nhiều, chất lượng góp ý chưa cao. Chưa sử dụng KPIs để đánh giá khi bổ nhiệm và luân chuyển viên chức. Trình độ đào tạo của nhiều nhân viên khi tuyển dụng còn ở mức thấp.</p>	<p>Nhà trường cần tăng cường khảo sát/phân tích nhu cầu tuyển dụng, điều chuyển nhân viên. Sử dụng KPIs để đánh giá nhân viên khi bổ nhiệm và luân chuyển. Có kế hoạch về đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên sau khi tuyển dụng.</p>	P. TCCB	Khoa TĐBĐ&TTĐ L	2021-2025
TC7/TC 7.3	<p>Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn nặng về định tính, chưa có nhiều tiêu chí định lượng; Các tiêu chí về ĐTBĐ nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ chưa được Nhà trường đưa vào Mục tiêu chỉ bất buộc là không còn phù hợp; Trong chu kỳ đánh giá Nhà trường chưa rà soát, cải tiến quy trình đánh giá năng lực của nhân viên.</p>	<p>Nhà trường cần rà soát chức năng, nhiệm vụ tại các đơn vị hỗ trợ, trên cơ sở đó bổ sung các tiêu chí định lượng để đánh giá năng lực cho đội ngũ nhân viên. Định kỳ rà soát, cải tiến quy trình đánh giá; đa dạng hình thức, đối tượng đánh giá (nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, giảng viên đánh giá, người học đánh giá) nhằm nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đồng thời làm căn cứ để ĐTBĐ, điều chuyển, tuyển dụng nhân viên.</p>	P. TCCB	Khoa TĐBĐ&TTĐ L	2021-2025

TC7/TC 7.4	<p>Nhà trường đang sử dụng Quy định chế độ đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Bộ TN&amp;MT (QĐ số 186/QĐ-BTNMT ngày 19/02/2013) và một số quy định, quy trình trong nhiều văn bản khác nhau (Kế hoạch DTBD hàng năm, Quy chế CTNB hàng năm, ...) mà chưa rà soát, để hợp nhất thành quy chế về DTBD cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Số nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ trong chu kỳ đánh giá còn hạn chế.</p>	<p>Nhà trường cần rà soát, hợp nhất văn bản quy định về DTBD cho công chức, viên chức và người lao động; tăng cường khảo sát nhu cầu DTBD của nhân viên để xây dựng kế hoạch DTBD cho giai đoạn tiếp theo, chú trọng DTBD về chuyên môn, nghiệp vụ gắn với vị trí việc làm, trực tiếp hỗ trợ cho CTD.T. Khoa cần sử dụng quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại các đơn vị.</p>	P. TCCB	Khoa TBBĐ&TTĐ L	2021-2025
TC7/TC 7.5	<p>Nhiều tiêu chí đánh giá nhân viên còn chung chung, nặng về định tính, chưa lượng hóa được mức độ hoàn thành công việc tại vị trí việc làm. Nhà trường/Khoa chưa thường xuyên khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá, phân loại, kết quả thi đua - khen thưởng.</p>	<p>Nhà trường/Khoa đưa ra các cải tiến việc xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của đội ngũ nhân viên. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để lượng hóa được trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực tốt cho việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về kết quả đánh giá, phân loại, kết quả thi đua - khen thưởng nhằm kịp thời điều chỉnh các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình phát triển của trường.</p>	P. TCCB	Khoa TBBĐ&TTĐ L	2021-2025

TC8/TC 8.1	<p>Việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động tuyển sinh, phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động vào cải tiến chính sách, phương thức tuyển sinh chưa rõ ràng; chưa tích hợp, bổ sung quy trình tư vấn tuyển sinh trong quy trình tuyển sinh chung của trường; số lượng thí sinh đăng ký và nhập học có xu hướng giảm.</p>	<p>Việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động tuyển sinh, phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động vào cải tiến chính sách, phương thức tuyển sinh cần rõ ràng và hiệu quả hơn, làm rõ việc phối hợp và cá nhân/đơn vị phụ trách cụ thể cho từng kế hoạch, công việc cần cải tiến, theo dõi và báo cáo cụ thể công tác cải tiến theo kế hoạch; tích hợp, bổ sung quy trình tư vấn tuyển sinh trong quy trình tuyển sinh chung của trường.</p>	Phòng đào tạo	Khoa TĐBĐ&TTĐ L	Hàng năm
TC8/TC 8.2	<p>Kinh phí và nguồn lực đầu tư cho hoạt động tư vấn và truyền thông phục vụ tuyển sinh còn eo hẹp; chưa có thông tin đối sánh về tỉ lệ trúng tuyển và nhập học với các trường đại học có ngành đào tạo tương đương trong cả nước.</p>	<p>Đề xuất Nhà trường tăng cường về kinh phí và nguồn lực đầu tư cho hoạt động tư vấn và truyền thông phục vụ tuyển sinh, nhất là hình thức tuyển sinh trực tuyến; cập nhật và phân tích thông tin đối sánh về tỉ lệ trúng tuyển và nhập học với các trường đại học có ngành đào tạo tương đương trong cả nước, tăng nguồn học bổng để thu hút thí sinh đăng ký và nhập học.</p>	Ban Giám Hiệu	Phòng KHTC; Phòng HCQT; Phòng Đào tạo; Khoa TĐBĐ&TTĐ L	Hàng năm
TC8/TC 8.2	<p>Chưa đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của từng phương thức xét tuyển bằng cách so sánh, phân tích kết quả học tập của người học năm đầu tiên theo từng phương thức, từng nguyện vọng để có sự điều chỉnh tỉ lệ chỉ tiêu cho từng phương thức sao cho tối ưu nhất.</p> <p>Chưa xem xét, tìm hiểu việc mở rộng các tổ hợp xét tuyển đầu vào đa dạng hơn để tăng cường chất lượng đầu vào; chưa cải tiến quy trình tuyển sinh từ năm 2015.</p>	<p>Tiến hành đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của từng phương thức xét tuyển bằng cách so sánh, phân tích kết quả học tập của người học năm đầu tiên theo từng phương thức, từng nguyện vọng để có cơ sở điều chỉnh tỉ lệ chỉ tiêu cho từng phương thức;</p> <p>Lên kế hoạch cụ thể, xem xét, tìm hiểu việc mở rộng các tổ hợp xét tuyển đầu vào đa dạng hơn trong bối cảnh tự chủ để tăng cường chất lượng đầu vào, đối sánh với các trường đại học có ngành đào tạo tương đương; cải tiến quy trình tuyển sinh định kỳ.</p>	Phòng đào tạo	Khoa TĐBĐ&TTĐ L	Hàng năm

	<p>Chưa văn bản hóa và ban hành quy trình cụ thể và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống, quy trình giám sát tiến bộ học tập, rèn luyện của người học; chưa lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các quy trình giám sát, hỗ trợ người học để cải tiến.</p>	<p>Cần văn bản hóa và ban hành quy trình cụ thể và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống, quy trình giám sát tiến bộ học tập, rèn luyện của người học; tiến hành lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các quy trình giám sát, hỗ trợ người học để cải tiến.</p>	<p>Phòng đào tạo; Phòng CTSV</p>	<p>Khoa TDBD&amp;TTD L</p>	<p>Hàng năm</p>
<p>TC8/TC 8.3</p>	<p>Phần mềm quản lý DT chưa cải tiến đủ để phù hợp với HCTC, tăng cường chia sẻ, phân quyền cho Khoa về phần kết quả học tập để Khoa và các CVHT chủ động theo dõi tình hình những người học yếu kém, thi không đạt nhanh chóng và có tính hệ thống hơn</p>	<p>Phần mềm quản lý DT cần cập nhật, cải tiến thêm cho phù hợp với HCTC (cho phép người học chủ động đăng ký các học phần), tăng cường chia sẻ, phân quyền cho Khoa về phần kết quả học tập để Khoa và các CVHT chủ động theo dõi tình hình những người học yếu kém, thi không đạt nhanh chóng đầy đủ hơn, kịp thời nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định.</p>	<p>Phòng đào tạo</p>	<p>Khoa TDBD&amp;TTD L</p>	<p>năm học 2023-2024</p>
	<p>Chưa có nhiều cuộc họp/trao đổi trực tiếp, định kỳ giữa các bên liên quan (BGH, Phòng DT, phòng CTSV, Khoa, CVHT...) cũng như cuộc họp giữa BCN Khoa với các CVHT nhằm tìm kiếm, chia sẻ kinh nghiệm về giải pháp hỗ trợ người học vượt qua những khó khăn trong học tập, đời sống và rèn luyện; chưa thống kê chi tiết nguyên nhân bỏ học đối với từng người học.</p>	<p>Cần tổ chức nhiều cuộc họp/trao đổi trực tiếp, định kỳ giữa các bên liên quan (BGH, Phòng DT, phòng CTSV, Khoa, CVHT...) cũng như cuộc họp giữa BCN Khoa với các CVHT nhằm tìm kiếm, chia sẻ kinh nghiệm về giải pháp hỗ trợ người học vượt qua những khó khăn trong học tập, đời sống và rèn luyện; thống kê chi tiết nguyên nhân bỏ học đối với từng người học, khảo sát và tư vấn khối lượng đăng ký môn học đối với người học có học lực và điều kiện học tập khác nhau.</p>	<p>Khoa TDBD&amp;T TDL</p>	<p>Phòng CTSV, Phòng QLDT; GV</p>	<p>năm học 2023-2024</p>
<p>TC8/TC 8.4</p>	<p>Việc đánh giá, phân tích nguyên nhân các hạn chế về các hoạt động tư vấn, ngoại khoá, hỗ trợ người học hàng năm trong các báo cáo tổng kết phong trào sinh viên chưa đồng bộ và chưa dựa trên đầy đủ các số liệu khảo sát, thống kê, thăm dò ý kiến có đối sánh và chưa đưa ra các đề xuất cải tiến cụ thể về cách thức, nội dung triển khai các</p>	<p>Tiến hành đánh giá, phân tích nguyên nhân các hạn chế về các hoạt động tư vấn, ngoại khoá, hỗ trợ người học hàng năm trong các báo cáo tổng kết phải đồng bộ và dựa trên đầy đủ các số liệu khảo sát, thống kê, thăm dò ý kiến có đối sánh và đưa ra các đề xuất cải tiến cụ thể về cách thức, nội dung triển khai các hoạt động này cũng như theo dõi</p>	<p>Khoa TDBD&amp;T TDL</p>	<p>Phòng CTSV</p>	<p>Hàng năm</p>



	<p>hoạt động này cũng như theo dõi và báo cáo kết quả cải tiến theo quy trình PDCA.</p> <p>Các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật, NCKH của người học chưa thu hút nhiều sinh viên tham gia, chưa tổ chức nhiều giao lưu với cựu người học và nhà tuyển dụng kết hợp chia sẻ chuyên đề theo hình thức trực tuyến nhằm giúp người học rèn luyện các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề...), định hướng về công nghệ theo yêu cầu thị trường lao động, chưa lấy ý kiến người học về hiệu quả các hoạt động giao lưu, chia sẻ này để cải tiến.</p>	<p>và báo cáo kết quả cải tiến theo quy trình PDCA.</p> <p>Đề ra nhiều biện pháp đa dạng giúp người học nhận thấy lợi ích của các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật, NCKH để thu hút sinh viên tham gia nhiều hơn; tăng cường tổ chức giao lưu với cựu người học và nhà tuyển dụng kết hợp chia sẻ theo hình thức trực tuyến nhằm giúp người học rèn luyện các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề...), định hướng về công nghệ theo yêu cầu đa dạng của thị trường lao động; lấy ý kiến người học về hiệu quả các hoạt động giao lưu, chia sẻ này để cải tiến.</p>	<p>Khoa TĐBĐ&amp;T TDL</p>	<p>Phòng CTSV, Phòng KHCN&amp;QH ĐN</p>	<p>Hàng năm</p>
<p>TC8/TC 8.5</p>	<p>Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người học chưa được chú trọng nhiều và chưa có bộ phận chuyên nghiệp, chuyên gia tâm lý để hỗ trợ người học hiệu quả khi gặp các khó khăn, áp lực trong học tập, cuộc sống.</p> <p>Chưa có nhiều cải tiến về không gian, điều kiện vật chất như không gian thư viện, phòng tiếp sinh viên của giảng viên, không gian tự học, học nhóm,... để tạo môi trường thoải mái nhất cho người học trong học tập và nghiên cứu.</p>	<p>Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người học cần được chú trọng nhiều hơn và thành lập bộ phận chuyên nghiệp, mời chuyên gia tâm lý (có thể ký hợp đồng làm việc theo giờ trực) để hỗ trợ người học hiệu quả khi gặp các khó khăn, áp lực trong học tập, cuộc sống.</p> <p>Cần thúc đẩy các dự án cải thiện về không gian, điều kiện vật chất của Trường như không gian thư viện, phòng tiếp sinh viên của giảng viên, không gian tự học, học nhóm,... để tạo môi trường thoải mái nhất cho người học trong học tập và nghiên cứu.</p>	<p>Ban Giám Hiệu (Mời chuyên gia tâm lý)</p> <p>Ban Giám Hiệu</p>	<p>Phòng CTSV, Khoa TĐBĐ&amp;TTĐ L</p> <p>Phòng KHTC; Phòng HCQT; Phòng CTSV, Trung Tâm TTTV; Khoa TĐBĐ&amp;TTĐ L</p>	<p>Hàng năm</p> <p>năm học 2023-2024</p>

<p>TC9/TC 9.1</p>	<p>Mặc dù Nhà trường đã có hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng với đầy đủ trang thiết bị phù hợp, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ giảng dạy, học tập với tổng diện tích sử dụng chính là 10.341 m<sup>2</sup> (Tỷ lệ 1,4m<sup>2</sup> (2016), 1,7m<sup>2</sup>(2017), 1,9m<sup>2</sup>(2018) -2.2 m<sup>2</sup>/SV (2019)) (tổng số SV là 7.019 SV) thấp hơn quy định về diện tích xây dựng theo thông tư 32/2015/TT-BGDĐT, 06/2018/TT-BGDĐT, 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&amp;ĐT. Diện tích văn phòng khoa bao gồm diện tích cho Ban chủ nhiệm khoa là 30m<sup>2</sup> thấp hơn nhiều so với quy định tại thông tư 03/2020/TT-BGDĐT.</p>	<p>Hiện đang xây dựng cơ sở vật chất tại cơ sở Nhà Bè, để đạt diện tích 18.508 m<sup>2</sup>/tổng số SV hiện tại, dự án đang đi vào hoàn thiện cho giai đoạn 1. Số lượng phòng học từ 100 - 200 chỗ (12 phòng với tổng diện tích 2.592 m<sup>2</sup>); Phòng học từ 50-100 chỗ (27 phòng với tổng diện tích 2.790 m<sup>2</sup>); Phòng học dưới 50 chỗ (03 phòng với tổng diện tích 203 m<sup>2</sup>); Phòng học đa phương tiện (02 phòng với tổng diện tích 90 m<sup>2</sup>); Phòng làm việc GS, PGS, GV (12 phòng với diện tích 1.308 m<sup>2</sup>); Trung tâm NC, phòng TN, TN, thực hành, luyện tập (07 phòng với tổng diện tích 630 m<sup>2</sup>).</p>	<p>Ban Giám Hiệu</p>	<p>Phòng HCQT</p>	<p>2025</p>
-----------------------	---	--	--------------------------	-------------------	-------------

<p>TC9/TC 9.2</p>	<p>- Học liệu cho thư viện (bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo) chưa đủ so với danh mục tài liệu trong Đề cương chi tiết các môn học. - Đầu tư cơ sở vật chất cho thư viện còn khá hạn chế, trong đó có điện tích thư viện, trang thiết bị, phòng đọc, hệ thống công nghệ thông tin, công từ kiểm soát vào ra, kiểm soát tài liệu, phần mềm Libol 6.0s hiện nay cho thư viện khá cũ và ít tính năng. Liên kết với các cơ sở dữ liệu của các Trung tâm lớn nhằm tạo điều kiện cho tra cứu sách phục vụ ĐT và NCKH còn hạn chế.</p>	<p>Thư viện phối hợp với các khoa chuyên ngành rà soát, cập nhật danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành đào tạo. Triển khai số hóa các giáo trình, tài liệu do các khoa cung cấp để hoàn thiện bộ học liệu Ebook. Phối hợp với trường Đại học TNMT Hà Nội triển khai xây dựng bộ giáo trình chuẩn dung cho ngành môi trường theo dự án NCKH của Bộ TNMT (Đề tài mã số TNMT.01/21 – 25). Triển khai xây dựng 32 giáo trình chuyên ngành của 9 ngành đào tạo (Quyết định 575/QĐ-TĐHTPHCM ngày 8/6/2022 của hiệu trưởng). Đưa vào vận hành CSDL khoa học công nghệ chuyên ngành gồm tạp chí chuyên ngành, Proquest, Springer Link, IEEE, Wips Duy trì liên kết liên thư viện nguồn lực thông tin KH&amp;CN với mạng lưới gồm 44 đơn vị, trường Đại học trên địa bàn thành phố (STINET); liên kết với thư viện trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p>	<p>Trung Tâm TTTV</p>	<p>Ban Giám Hiệu, Phòng KHTC, Khoa TĐBĐ&amp;TTĐ L</p>	<p>2023</p>
<p>TC9/TC 9.3</p>	<p>Một số máy tính trong các phòng thực hành tin học chưa đáp ứng được yêu cầu. Chưa tiến hành thanh lý hết những trang thiết bị đã hư hỏng. Công tác quản lý mượn trả máy còn chưa dùng máy tính để quản lý.</p>	<p>Tăng cường máy tính cấu hình cao hơn trong các phòng thực hành tin học để đáp ứng được yêu cầu. Tiến hành thanh lý hết những trang thiết bị đã hư hỏng. Công tác quản lý mượn trả máy nên dùng máy tính để quản lý.</p>	<p>Phòng HCQT</p>	<p>Phòng KHTC</p>	<p>2023</p>

TC9/TC 9.4	<p>Hệ thống Wifi còn khá yếu nên có có những thời điểm việc truy cập Internet gặp khó khăn (bị chập). Phần mềm Quản lý đào tạo chung đã cũ và hết bản quyền, Trường còn sử dụng phần mềm Quản Lý Đào tạo cũ của CMC hết bản quyền để quản lý đào tạo.</p>	<p>Đang triển khai đưa vào vận hành trong tháng 3/2023 phần mềm Quản lý đào tạo (phiên bản nâng cấp) để quản lý toàn bộ hoạt động đào tạo. Hướng đến mục tiêu chuyển đổi số toàn diện hoạt động quản lý của Trường</p> <p>Triển khai trong tháng 3/2023 hoàn thành nâng cấp trang thông tin điện tử (Website) của Trường với các cải tiến về giao diện, tương thích với smartphone và tăng cường tính bảo mật</p> <p>Đã trình dự án Đầu tư nâng cấp mạng không dây Wifi tại trụ sở (điểm phát sóng, băng thông truy cập internet) và dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2023</p>	Trung Tâm TTTV	Phòng KHTC	2023
TC9/TC 9.5	<p>KTX của Trường tại cơ sở 2 tại Biên Hòa rất xa với nơi đào tạo tại Cơ sở 1 tại đường Lê Văn Sỹ. Một số cầu thang, lối đi lại thoát hiểm tại Cơ sở 1 quá nhỏ và khá nguy hiểm. Các vấn đề về môi trường và an toàn cho người khuyết tật còn hạn chế (chưa có lối đi, hệ thống nhà vệ sinh ... đặc thù cho người khuyết tật).</p>	<p>Hiện tại, Nhà trường đang lên dự toán để sửa chữa KTX ở CS Biên Hòa. Trước mắt là 16 phòng dưới tầng trệt của khu nhà 3 tầng. Dự kiến sửa chữa vào Quý 2 năm 2023.</p>	Ban Giám Hiệu	Phòng HCQT	2023

TC10/T C10.1	<p>Khoa chưa xây dựng riêng 2 bộ phiếu khảo sát (1) cho xây dựng/thiết kế CTDH; (2) cho cập nhật/phát triển CTDH mà dùng chung. Nội dung khảo sát ngoài những thông tin chung, chưa có những thông tin chuyên biệt cho từng ngành đào tạo. Nội dung lấy ý kiến chưa theo hướng tập trung về CDR, về năng lực NH tốt nghiệp; chưa chọn lọc những nội dung/chủ đề, vấn đề cụ thể, có chủ đích; thiếu các câu hỏi mở để thu thập được góp ý cải tiến. Hiện tại, ý kiến phản hồi từ các BLQ qua các năm được thu thập và quản lý riêng lẻ. Chưa có hệ thống thông tin để lưu trữ các dữ liệu thu nhận được, chưa đối sánh qua các năm giúp đánh giá được mức độ cải tiến của CTDH đã thực hiện được so với các ý kiến đã đóng góp.</p>	<p>Thiết kế riêng 2 bộ phiếu khảo sát (1) cho xây dựng/thiết kế CTDH; (2) cho cập nhật/phát triển CTDH. Khi xây dựng các biểu mẫu khảo sát ý kiến các bên liên quan, bên cạnh những thông tin chung, Khoa có những câu hỏi riêng biệt để thu thập các thông tin hữu ích cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Cải tiến nội dung lấy ý kiến theo hướng tập trung về CDR, về năng lực NH tốt nghiệp; chọn lọc những nội dung/chủ đề, vấn đề cụ thể, có chủ đích; và thêm các câu hỏi mở để thu thập được góp ý cải tiến. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý để quản lý dữ liệu, thông tin phản hồi từ các BLQ làm cơ sở để đánh giá, so sánh và có kế hoạch, lộ trình cải tiến phù hợp, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của các BLQ.</p>	Khoa TĐBĐ&T TĐL	Phòng KTĐBCL &TTGD; Phòng CTSV	Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần
TC10/T C10.2	<p>Từ năm 2012 cho đến nay CTDH ngành KTTĐBĐ đã có 1 chu kỳ đào tạo (5 năm) để cải tiến, tuy nhiên Khoa chưa có MC khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo của CTDH và theo xu hướng phát triển ngành KTTĐBĐ mà mới chỉ chủ yếu dựa vào việc khảo sát ý kiến các BLQ hàng năm để cải tiến CTDH.</p>	<p>Đa dạng hoá các loại khảo sát ý kiến các BLQ. Ngoài các đối tượng khảo sát là SV, GV, nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu SV, Khoa cần khảo sát nhu cầu thị trường lao động ngành KTTĐBĐ, nguồn nhân lực địa phương, ... khi xây dựng và cập nhật/cải tiến CTDH.</p>	Khoa TĐBĐ&T TĐL	Phòng KTĐBCL &TTGD; Phòng CTSV	Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần
TC10/T C10.2	<p>Quy trình thiếu một số bước như: (1) bước tổ chức đánh giá việc đạt CDR của HP và của CTĐT. (2) bước các đơn vị sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng (trong đó có cải tiến CTDH) như thế nào.</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh CTĐT lần sắp tới bổ sung vào Quy trình thiết kế và phát triển CTDH bước tổ chức đánh giá việc đạt CDR của HP và của CTĐT và bước các đơn vị sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng.</p>	Khoa TĐBĐ&T TĐL	Phòng KTĐBCL &TTGD; Phòng Đào tạo	Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần

TC10/T C10.3	<p>Các qui định về đánh giá quá trình dạy học, KTDG chưa nhân mạnh đến việc đảm bảo sự tương thích với CDR cấp HP và cấp CTDT theo các chỉ số đo lường (Pls_Performance indicators), cũng như cách thức đo lường CDR.</p> <p>Chưa triển khai đánh giá mức độ phù hợp của đề thi tương thích với CDR tương ứng. GV còn lúng túng khi hiểu về cách đo việc đánh giá đạt CDR của các HP và CDR của CTDT. Khoa mới quan tâm đến việc rà soát đánh giá kết quả học tập NH là các minh chứng trực tiếp (Direct Evidence), thiếu các MC gián tiếp (Indirect Evidence) (khảo sát ý kiến NH về việc đạt CDT của HP sau khi học xong; sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp, ...), chưa xây dựng kế hoạch đo lường CDR của CTDT.</p>	<p>Rà soát, điều chỉnh CTDT Khoa cần làm rõ các qui định về đánh giá quá trình dạy học, KTDG đảm bảo sự tương thích với CDR cấp HP và cấp CTDT theo các chỉ số Pls, cũng như cách thức đo lường CDR HP và CDR CTDT.</p> <p>Triển khai đánh giá mức độ phù hợp của đề thi tương thích với CDR tương ứng. Rà soát việc đánh giá đạt CDR của các HP và CDR của CTDT. Xây dựng kế hoạch đo lường CDR của CTDT. Bên cạnh các minh chứng trực tiếp là các kết quả học tập, Khoa xác định các mức kì vọng đạt CDR của HP và của CTDT, bổ sung một số minh chứng gián tiếp là các kết quả khảo sát ý kiến NH, ý kiến nhà tuyển dụng về các năng lực NH tốt nghiệp về việc đạt CDR CTDT mong đợi.</p>	<p>Khoa TDBD&amp;T TDL</p>	<p>Phòng KTBCL &amp;TTGD; Phòng Đào tạo</p>	<p>Theo kế hoạch cập nhật CTDT định kỳ 2 năm/lần</p>
TC10/T C10.4	<p>Số đề tài NCKH sử dụng để cải tiến hoạt động dạy và học của Khoa chưa nhiều.</p>	<p>Đẩy mạnh, tăng cường các hoạt động NCKH của GV và SV. Tổ chức các hội thảo/seminar về việc áp dụng các kết quả NCKH vào dạy và học, vào việc cải tiến hoạt động dạy học của ngành KTTBDD.</p>	<p>Khoa TDBD&amp;T TDL</p>	<p>Phòng KHCHN&amp;QH DN; Phòng CTSV</p>	<p>Từ năm 2024</p>
TC10/T C10.4	<p>Chưa xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động KHCHN. Kết quả NCKH của Khoa nhiều, đa dạng nhưng GV và SV chưa thể tiếp cận để đăng với nguồn thông tin khoa học này.</p>	<p>Xây dựng cơ sở dữ liệu (tổng hợp, lưu trữ) và công bố các kết quả NCKH bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp GV và SV có thêm nguồn thông tin khoa học này.</p>	<p>Khoa TDBD&amp;T TDL</p>	<p>Phòng KHCHN&amp;QH DN; Phòng CTSV; Trung tâm TTTV</p>	<p>Từ năm 2024</p>

TC10/T C10.5	<p>Việc đánh giá đánh giá chất lượng các dịch vụ tiện ích của Nhà trường chỉ mới căn cứ vào quy trình ISO, các ý kiến đóng góp của các bên liên quan mà chưa xây dựng bộ tiêu chí với các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cụ thể cho từng dịch vụ hỗ trợ.</p>	<p>Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể, có các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cụ thể cho từng dịch vụ hỗ trợ.</p>	Phòng KT,ĐBCL &TTGD	Trung tâm TTTTV; Phòng Đào tạo; Khoa TĐBĐ&TTĐ L	Từ năm 2024
TC10/T C10.6	<p>Chưa xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ sau khi thu nhận ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Chưa có hệ thống quản lý đánh giá chất lượng dịch vụ sau cải tiến.</p> <p>Trường xây dựng 5 loại quy trình khảo sát ý kiến các BLQ với 13 loại mẫu phiếu khảo sát nhưng chưa có biểu mẫu cho việc báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng của các đơn vị.</p> <p>Nội dung lấy ý kiến phản hồi khá nhiều, chủ yếu khảo sát về mức độ hài lòng bằng các câu hỏi đóng, chưa chọn lọc các chủ đề/vấn đề lấy ý kiến có chủ đích.</p>	<p>Xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ sau khi thu nhận ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu đánh giá, đối sánh kết quả đánh giá và phân tích kết quả sau cải tiến.</p> <p>Xây dựng, bổ sung biểu mẫu cho việc báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng của các đơn vị giúp việc kiểm soát chất lượng được chặt chẽ hơn.</p> <p>Cải tiến chất lượng thu thập thông tin theo hướng chọn lọc các chủ đề/vấn đề lấy ý kiến có chủ đích rõ ràng, sử dụng các câu hỏi mở để thu thập được những góp ý cải tiến chất lượng.</p> <p>Công tác truyền thông và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên để giảm bớt tình trạng sinh viên bỏ học.</p>	Phòng KT,ĐBCL &TTGD	Trung tâm TTTTV; Phòng Đào tạo; Khoa TĐBĐ&TTĐ L	Từ năm 2024
TC11/T C11.1	Tỷ lệ SV thôi học KTTĐBĐ trong 4 khóa gần lại đây chiếm tỷ lệ khá cao.	Giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ cho SV đáp ứng yêu cầu CĐR ngoại ngữ.	Phòng Đào Tạo	Khoa TĐBĐ&TTĐ L, Phòng KT,ĐBCL& TTGD	Từ 2024

TC11/T C11.2	Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên khá dài so với thiết kế chương trình.	Đánh giá việc thiết kế CTDĐT ngành KT,TBBD (với khá nhiều học phần - 63HP) lên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV	Khoa TBBD&T TDL	Phòng KT,ĐBCL& TTGD TTGD	Theo kế hoạch cập nhật CTDĐT định kỳ 2 năm/lần
		Cần có các giải pháp hỗ trợ SV học tập đáp ứng yêu cầu CDR của CTDĐT, đặc biệt là CDR về ngoại ngữ để SV tốt nghiệp đúng hạn.	Phòng Đào Tạo	Phòng KT,ĐBCL& TTGD, Phòng CTSV, Khoa TBBD&TTD L	Từ 2024
TC11/T C11.3	Mặc dù Nhà trường đã triển khai khảo sát tỷ lệ SV có việc làm nhưng còn thiếu phân tích nguyên nhân tỉ lệ không có việc làm của NH sau khi TN để thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng.	Công tác thống kê, theo dõi thường xuyên thị trường việc làm, để nắm bắt xu hướng phát triển việc làm và tư vấn hướng nghiệp kịp thời cho SV.	Phòng CTSV	Khoa TBBD&TTD L	Hàng năm
		Tăng cường thực hành, thực tập thực tế để giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp hơn trong tương lai.	Khoa TBBD&T TDL	Phòng CTSV	Theo kế hoạch cập nhật CTDĐT định kỳ 2 năm/lần
TC11/T C11.4	Đầu tư tài chính cho hoạt động sinh viên NCKH của trường rất thấp so với quy định (tối thiểu bằng 3% nguồn thu học phí của trường). Đặc biệt có năm không thấy chi ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.	Cần thành lập quỹ KHCN gắn với hoạt động NCKH của SV, đảm bảo ngân sách trích tối thiểu 3% nguồn thu học phí trích lập vào quỹ cho các hoạt động NCKH của SV.	Phòng KHCB&D N	Khoa TBBD&TTD L	Từ 2024
			Tỷ lệ số SV của ngành chưa cao, phần lớn SV đại trà tham gia hoạt động NCKH là thông qua đồ án tốt nghiệp (năm cuối)		



TC11/T C11.5	Việc lấy ý kiến mức độ hài lòng các bên liên quan chưa gắn liền với CDR, chương trình đào tạo để có căn cứ cho cải tiến chất lượng, đặc biệt một kỹ năng có mức độ hài lòng thấp của nhà tuyển dụng: sử dụng ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý thời gian, kiến tạo sản phẩm	Đa dạng hóa nội dung và phương pháp khảo sát về mức hài lòng gắn với CDR của CTĐT để ý kiến phản hồi gắn với cải tiến chất lượng CTĐT	Khoa TĐBĐ&T TĐL	Phòng KT,ĐBCL& TTGD	Theo kế hoạch cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/lần
-----------------	--	---	-----------------------	---------------------------	--



## Kế hoạch khắc phục và cải tiến các tồn tại sau đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
TC1/ TC1.1	Mục tiêu chung có định hướng đào tạo kỹ sư CNTT chất lượng cao trong lĩnh vực CNTT cho ngành Tài nguyên & Môi trường và xã hội, đây cũng chính là lĩnh vực được xem là thế mạnh của ngành CNTT thuộc Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, nhưng trong mục tiêu cụ thể không mô tả rõ mục tiêu này.	Mục tiêu cụ thể của CTĐT nên trình bày ở dạng phù hợp hơn, có thể đánh giá, ước lượng được. Nhà trường/Khoa cần rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT đảm bảo tính logic giữa đầu ra nghề nghiệp và mục tiêu của CTĐT, định hướng đến các mục tiêu là thế mạnh của Trường/Khoa mình.	Khoa HTTT&V T	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022
TC1/ TC1.2	CDR ban hành năm 2020 còn có một số điểm hạn chế: dùng một số động từ khó ước lượng đánh giá như “ELO 10: Liên kết được các kỹ năng ...”, “ELO 14: Sẵn sàng hướng dẫn, giám sát ....”; nội hàm các CDR chưa phân tách rạch ròi ràng, có thể bao hàm nhau như ELO4 “Triển khai được ít nhất 2 ngôn ngữ lập trình (Java, C#,... ” và ELO7 “Xây dựng được hệ thống phần mềm để giải quyết các yêu cầu cụ thể trên cơ sở các ngôn ngữ lập trình đã học (Java, C#,...)”. Cả hai phiên bản CDR ban hành vào các năm 2016 và 2020 đều không có nội dung liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên & Môi trường, đây là một chuyên ngành của ngành CNTT trường ĐHTN&MT TPHCM.	Nhà trường/Khoa cần rà soát, điều chỉnh CDR theo hướng áp dụng cách tiếp cận khoa học (Bloom, SMART,...) trong quá trình viết CDR để đảm bảo CDR ngắn gọn, rõ ràng, đo lường và đánh giá được. CDR của CTĐT nên bổ sung kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác để đáp ứng tốt hơn khung trình độ quốc gia Việt Nam và xu hướng đào tạo trình độ đại học hiện nay.	Khoa HTTT&V T	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC1/ TC1.3	<p>Các lần rà soát, điều chỉnh CDR từ phiên bản 2018, 2020 không có sự thay đổi và thay đổi so với phiên bản 2016 không nhiều, điều này chưa hoàn toàn phù hợp với sự phát triển và thay đổi của ngành CNTT trong giai đoạn đó.</p>	<p>Nhà trường/Khoa cần có kế hoạch, quy trình để triển khai việc rà soát, chỉnh sửa CDR của CTĐT phù hợp hơn, thực sự phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.</p>	<p>Khoa HTTT&amp;V T</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>Tháng 12/2022</p>
TC2/ TC 2.1	<p>Phần bỏ CDR vào các học phần chưa hoàn toàn khoa học, hợp lý khi hầu hết các học phần đều được phân bổ hỗ trợ tất cả các CDR của CTĐT từ mức thấp, trung bình và cao. Như vậy, rất khó để có thể đánh giá mức độ đạt được của người học đối với CDR của CTĐT. Đối với từng học phần cụ thể việc phân bổ mức hỗ trợ các CDR chưa hợp lý, ví dụ hai học phần Anh văn 1, 2 hỗ trợ mức cao (H) cho ELO 2 “Ứng dụng được các kiến thức về toán học, vật lý trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.”, nhưng lại hỗ trợ mức thấp (L) cho ELO 8 “Sử dụng tiếng Anh ở mức đọc, viết được báo cáo có nội dung thông thường; đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành, …”</p>	<p>Trường/Khoa cần rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT theo hướng đảm bảo tính khoa học trong thiết kế các học phần định hướng đạt CDR của CTĐT đối với người học; đảm bảo tính logic, khoa học giữa CDR và học phần của CTĐT; bổ sung cơ sở lý luận phần phân hình thức kiểm tra, đánh giá để xác định mức độ đạt CDR của CTĐT của người học.</p>	<p>Khoa HTTT&amp;V T</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>Tháng 12/2022</p>

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC/TC 2.2	<p>Một số đề cương học phần có phương pháp kiểm tra đánh giá chưa phù hợp như học phần Mạng máy tính có thời gian thực hành chiếm 50% và CDR của học phần kỹ năng gồm CELO4, CELO5 CLO6 nhưng đánh giá quá trình và cuối kỳ đều dùng phương pháp trắc nghiệm.</p>	<p>Nhà trường/Khoa cần rà soát, hoàn thiện đề cương của tất cả các học phần có trong CTĐT đảm bảo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn tại công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&amp;ĐT. Khi rà soát, điều chỉnh đề cương học phần cần quan tâm hơn đến sự đóng góp của học phần vào thực hiện CDR của CTĐT, xác định PPKTDG có phù hợp để xác định chính xác mức độ đạt được của người học đối với CDR học phần.</p>	Khoa HTTT&VT	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022
TC/TC 2.3	<p>Đề cương học phần được công bố dạng giới hạn quyền truy nhập trên website của Khoa, chưa tạo sự thuận lợi, dễ dàng cho các đối tượng liên quan trong tiếp cận.</p>	<p>Nhà trường/Khoa cần đa dạng hóa các loại hình truyền thông, phân quyền truy cập đến nhiều dạng đối tượng hơn để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông tin về CTĐT, đề cương học phần.</p>	Trung tâm thông tin thư viện	Khoa HTTT&VT	Tháng 12/2022
TC3/TC3.1	<p>Tính khoa học, thống nhất trong việc xác định các phương pháp giảng dạy đáp ứng chuẩn đầu ra và mối quan hệ giữa các học phần và CDR của CTĐT chưa hoàn toàn phù hợp (Bảng 4.2 trang 9 và bảng 5.4 trang 14 bản mô tả CTĐT ban hành năm 2020).</p>	<p>Trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT sắp tới Trường/khoa cần bám sát các Thông tư hiện hành của Bộ GD&amp;ĐT để đảm bảo tính khoa học, thống nhất của CTĐT.</p>	Khoa HTTT&VT	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022
TC3/TC3.2	<p>Trong đề cương học phần chưa thể hiện rõ sự đóng góp của học phần đó vào thực hiện CDR vì CDR chưa được lượng hóa chi tiết vào nội dung, phương pháp giảng dạy-học tập và KTDG của học phần. Việc thiết kế môn học/học phần đáp ứng CDR của CTĐT chưa hoàn toàn khoa học, phù hợp khi 1 CDR trải dài trong hầu hết học phần, một học phần đáp ứng hầu hết các CDR</p>	<p>Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh đề cương học phần của các học phần trong CTĐT theo hướng “lượng hóa” các CDR vào các học phần để làm rõ hơn nữa mức độ đóng góp của mỗi học phần vào thực hiện CDR; cần định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung của các học phần để kịp thời điều chỉnh cập nhật tiến bộ của khoa</p>	Khoa HTTT&VT	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	của CTDT.	học kỹ thuật và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.			
TC3/ TC3.3	Trong các lần rà soát, điều chỉnh CTDH, nhà trường chưa đưa ra các tiêu chí cụ thể khi lựa chọn đối tác để đối sánh và tham khảo các CTDT của các CSGDDH trong và ngoài nước. Tình phù hợp về mục tiêu, CDR, đối tượng đào tạo không được xem xét và đối sánh.	Trong thời gian tới khi rà soát điều chỉnh CTDH, nhà trường cần quan tâm tính phù hợp về mục tiêu, CDR, đối tượng đào tạo để xem xét và đối sánh, thông tin đối sánh thu thập được hỗ trợ tốt hơn cho việc cập nhật, sửa đổi CTDH.	Khoa HTTT&V T	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022
TC4/ TC4.1	Các phương pháp truyền thông về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường chưa thực sự đa dạng, hiệu quả, đặc biệt đối với các bên liên quan không trực thuộc trong Trường.	Nhà trường cần có những phương pháp truyền thông đa dạng hơn nhằm giới thiệu hiệu quả hơn triết lý giáo dục.	Trung tâm thông tin thư viện	Các đơn vị	Tháng 06/2023
TC4/ TC4.2	Trong đề cương một số học phần chưa xác định CDR, đánh giá cho các nội dung tự học (Xác suất thống kê, Toán cao cấp 2, Phát triển phần mềm mã nguồn mở, ...). Qua minh chứng bao gồm đề cương chi tiết các học phần, số lượng các học phần sử dụng phương pháp học tập dự án, đồ án còn ít, điều này dẫn đến khó đạt được các CDR của CTDT về kỹ năng.	Khoa/bộ môn/GV cần quan tâm hơn khi xây dựng đề cương học phần đối với nội dung tự học để đạt được CDR của học phần. Cần bổ sung thêm các học phần sử dụng phương pháp học tập theo hình thức dự án, đồ án giúp đạt được các CDR về kỹ năng của CTDT. Nhà trường và Khoa cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, đặc biệt khoa CNTT cần đi đầu trong ứng dụng ICT vào công tác giảng dạy.	Khoa HTTT&V T	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC4/ TC4.3	<p>Trong mục nội dung tự học của đề cương học phần chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tự học (chỉ đề là Phương pháp tự học trong hầu hết các học phần).</p> <p>Một số học phần còn để thời gian tự học là 0 như Lập trình hướng đối tượng, Phương pháp phát triển phần mềm hướng đối tượng, ... Một số học phần có quy định thời gian tự học nhưng trong phân bố nội dung chi tiết học phần theo tuần lại không có nội dung tự học (học phần Phân tích và trực quan hóa dữ liệu, Mô hình hóa ứng dụng). Như vậy, ảnh hưởng không tốt đến việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.</p>	<p>Nhà trường cần quan tâm đến bồi dưỡng các PPDH tích cực, công nghệ dạy học hiện đại cho đội ngũ GV. Khoa/Bộ môn cần chi tiết hóa phương pháp học tập áp dụng cho từng nội dung cụ thể được giao trong mục tự học. Trong lần rà soát CTĐT tiếp theo, Khoa/Bộ môn cần chú ý hơn đến hoạt động tự học của sinh viên nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.</p>	Khoa HTTT&V T	Phòng Đào tạo	Tháng 12/2022
TC5/ TC5.1	<p>Trong đề cương chi tiết một số học phần chưa có rubric cho phần đánh giá quá trình, chưa có phần hướng dẫn sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt CDR học phần. Trường/Khoa/Bộ môn chưa thực hiện thống kê, phân tích về mức độ phù hợp của các hình thức thi đối với đánh giá đạt CDR.</p>	<p>Nhà trường cần xây dựng văn bản hướng dẫn đầy đủ về thiết kế các phương pháp KTĐG phù hợp với mục đích, yêu cầu đánh giá mức độ đạt được của các CDR tương ứng với các miền kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Cần bổ sung rubric đánh giá cho các hoạt động đánh giá quá trình.</p>	Phòng Đào tạo	Khoa HTTT& VT	Tháng 12/2022
TC5/ TC5.2	<p>Nhà trường/Khoa hướng dẫn/quy định cho phần đánh giá quá trình chưa đủ chi tiết, điều này có thể dẫn đến sự không thống nhất trong đánh giá giữa các GV dạy cùng một học phần.</p>	<p>Nhà trường/Khoa cần rà soát hướng dẫn/quy định và phương pháp KTĐG của tất cả các học phần theo hướng tương minh, định lượng và phù hợp hơn.</p>	Phòng Đào tạo	Khoa HTTT& VT	Tháng 12/2022

<b>Tiêu chuẩn /Tiêu chí</b>	<b>Tồn tại</b>	<b>Định hướng Khắc phục</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân phụ trách</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<p>TCS5.3</p> <p>TCS5/TC5.3</p> <p>Khoa mới chỉ xây dựng được rubric đánh giá cho kỹ năng báo cáo thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp, nhưng phương pháp đánh giá còn lại chưa có hướng dẫn chi tiết hoặc rubric để đảm bảo đo lường được, độ tin cậy và tính công bằng trong đánh giá.</p> <p>Nhà trường/Khoa mới chỉ thực hiện tổng hợp, thống kê kết quả điểm thi của SV để điều chỉnh đề thi chứ chưa đánh giá mức độ phù hợp đối với đo lường CDR và độ tin cậy của phương pháp kiểm tra đánh giá. Các GV chưa phân tích đối sánh điểm quá trình với điểm thi kết thúc học phần để đánh giá sự tương quan.</p>	<p>Khoa/Bộ môn cần xây dựng bản hướng dẫn chi tiết hoặc rubric dùng cho kiểm tra, đánh giá người học đối với tất cả phương pháp đánh giá của các học phần đảm bảo đo lường được, độ tin cậy và tính công bằng. Khoa/Bộ môn cần thực hiện đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp kiểm tra đánh giá cho tất cả các học phần.</p>	<p>Khoa HTTT&amp;V T</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>Tháng 12/2022</p>
<p>TCS5/TC5.4</p> <p>Do hạn chế về hạ tầng CNTT nên việc truy cập xem kết quả thi hoặc kết quả xét tốt nghiệp trên phần mềm quản lý đào tạo có thời điểm còn gặp khó khăn, không kịp thời</p>	<p>Nhà trường cần bổ sung quy định về thời gian bắt buộc phân hồi kết quả đánh giá cho người học để ngăn ngừa khả năng xảy ra tình trạng phân hồi kết quả đánh giá cho người học không kịp thời.</p> <p>Nhà trường cần cải tiến, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, hệ thống đường truyền, máy chủ, phần mềm đủ mạnh để cho công tác quản lý DT, công bố và truy cập kết quả học tập được thuận lợi.</p>	<p>Phòng Đào tạo</p>	<p>Các đơn vị</p>	<p>Tháng 06/2023</p>	
<p>TCS5/TC5.5</p> <p>Thời gian quy định cho các hoạt động trong khiêu nại và sửa điểm của điều 32 chưa hoàn toàn logic, phù hợp.</p> <p>Trong thời gian gần đây, việc học tập và đánh giá kết quả người học diễn ra online khá phổ biến, tuy nhiên Nhà trường chưa có hệ thống online hỗ trợ hoạt động khiêu nại và sửa điểm.</p>	<p>Nhà trường cần rà soát lại quy định về thời gian đối với quy trình, thủ tục và phương thức thực hiện việc khiêu nại về kết quả học tập. Nhà trường cần xây dựng hệ thống online hỗ trợ hoạt động khiêu nại và sửa điểm.</p>	<p>Phòng KTDBCL &amp;TTGD</p>	<p>Phòng Đào tạo, các khoa chuyên ngành</p>	<p>Tháng 06/2023</p>	



Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC6/TC6.1	Chính sách thu hút GV, NCV và chế độ ưu đãi chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được người có trình độ TS, có chức danh khoa học về làm việc tại Khoa, Trường.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách thu hút GV, NCV và chế độ ưu đãi để thu hút được người có trình độ TS, có chức danh khoa học về làm việc tại Trường, Khoa.	Phòng TCCB	Các đơn vị	Tháng 06/2023
TC6/TC6.2	Số giờ giảng bình quân cao, tỷ lệ vượt giờ giảng lớn, quá tải cho đội ngũ GV trong Khoa; số GV thỉnh giảng và làm việc bán thời gian chiếm tỷ lệ cao.	Tăng cường năng lực đội ngũ GV cơ hữu, điều chỉnh cân đối số giờ giảng của GV cơ hữu ở mức hợp lý.	Khoa HTTT&VT	Phòng TCCB	Tháng 01/2023
TC6/TC6.3	Tiêu chí tuyển dụng chưa chú trọng đến việc tuyển chọn SV xuất sắc, tốt nghiệp loại giỏi, làm nhiệm vụ trợ giảng, có vấn đề tập cho CTĐT đào tạo, tạo nguồn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của CTĐT.	Cần có chính sách tuyển dụng SV xuất sắc, tốt nghiệp loại giỏi, làm trợ giảng, có vấn đề tập cho CTĐT đào tạo, tạo nguồn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của CTĐT.	Phòng TCCB	Khoa HTTT&VT	Tháng 01/2023
TC6/TC6.4	Đề án vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực hiện (KPIs) của CB, GV và nhân viên trong Trường chưa thực sự đồng bộ, thống nhất làm cơ sở tuyển chọn, bổ nhiệm và đánh giá các vị trí việc làm trong Trường, Khoa.	Rà soát, điều chỉnh bổ sung, đồng bộ hóa các quy định về vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực hiện (KPIs) của CB, GV và nhân viên trong Trường.	Phòng TCCB	Các đơn vị	Tháng 01/2023
TC6/TC6.5	Quy trình khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo, giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV chưa được hoàn thiện.	Trường cần hoàn thiện quy trình khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo; giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV.	Phòng TCCB	Các khoa chuyên ngành	Tháng 12/2023
TC6/TC6.6	Trường, Khoa chưa có văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động của cá nhân GV, NCV để quản trị theo kết quả đầu ra một cách hiệu quả đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và nhu cầu phát triển của cá nhân.	Trường, Khoa cần xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động của cá nhân GV, NCV đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và nhu cầu phát triển của cá nhân.	Phòng TCCB	Các khoa chuyên ngành	Tháng 12/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC6/ TC6.7	Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa chú trọng đến hoạt động phát triển CTĐT, phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng yêu cầu yêu cầu chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo.	Khuyến khích, động viên, giao nhiệm vụ NCKH về hoạt động phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả học tập của người học đáp ứng yêu cầu yêu cầu chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo.	Khoa HTTT&V T	Phòng KHCN&QHĐN Phòng Đào tạo	Tháng 01/2023
TC7/ TC7.1	Nhà trường chưa ban hành quy định/hướng dẫn một cách bài bản về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chưa tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên toàn trường.	Nhà trường cần tiếp tục đánh giá, rà soát vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên của khối phòng/trung tâm, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm. Ban hành quy định/hướng dẫn về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan (cấp trên, đồng nghiệp, nhà sử dụng lao động, người học,...) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.	Phòng TCCB	Các phòng ban, trung tâm	Tháng 06/2023
TC7/ TC7.2	Các ý kiến góp ý về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên chưa nhiều, chất lượng góp ý chưa cao. Chưa sử dụng KPIs để đánh giá khi bổ nhiệm và luân chuyển viên chức. Trình độ đào tạo của nhiều nhân viên khi tuyển dụng còn ở mức thấp.	Nhà trường cần tăng cường khảo sát/phân tích nhu cầu tuyển dụng, điều chuyển nhân viên. Sử dụng KPIs để đánh giá nhân viên khi bổ nhiệm và luân chuyển. Có kế hoạch về đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên sau khi tuyển dụng.	Phòng TCCB	Các phòng ban, trung tâm, khoa chuyên ngành	Tháng 06/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC7/ TC7.3	<p>Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn nặng về định tính, chưa có nhiều tiêu chí định lượng; Các tiêu chí về ĐTBĐ nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ chưa được Nhà trường đưa vào Mục tiêu chí bắt buộc là không còn phù hợp; Trong chu kỳ đánh giá Nhà trường chưa rà soát, cải tiến quy trình đánh giá năng lực của nhân viên.</p>	<p>Nhà trường cần rà soát chức năng, nhiệm vụ tại các đơn vị hỗ trợ, trên cơ sở đó bổ sung các tiêu chí định lượng để đánh giá năng lực cho đội ngũ nhân viên. Định kỳ rà soát, cải tiến quy trình đánh giá; đa dạng hình thức, đối tượng đánh giá (nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, giảng viên đánh giá, người học đánh giá) nhằm nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đồng thời làm căn cứ để ĐTBĐ, điều chuyển, tuyển dụng nhân viên.</p>	Phòng TCCB	Các phòng ban, trung tâm, khoa chuyên ngành	Hàng năm
TC7/ TC7.4	<p>Nhà trường đang sử dụng Quy định chế độ đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Bộ TN&amp;MT (QĐ số 186/QĐ-BTNMT ngày 19/02/2013) và một số quy định, quy trình trong nhiều văn bản khác nhau (Kế hoạch ĐTBĐ hằng năm, Quy chế CTNB hàng năm, ...) mà chưa rà soát, đề hợp nhất thành quy chế về ĐTBĐ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Số nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ trong chu kỳ đánh giá còn hạn chế.</p>	<p>Nhà trường cần rà soát, hợp nhất văn bản quy định về ĐTBĐ cho công chức, viên chức và người lao động; tăng cường khảo sát nhu cầu ĐTBĐ của nhân viên để xây dựng kế hoạch ĐTBĐ cho giai đoạn tiếp theo, chú trọng ĐTBĐ về chuyên môn, nghiệp vụ gắn với vị trí việc làm, trực tiếp hỗ trợ cho CTĐT. Khoa/phòng/trung tâm cần sử dụng quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại các đơn vị.</p>	Phòng TCCB	Các phòng ban, trung tâm, khoa chuyên ngành	Hàng năm

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC7/ TC7.5	<p>Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy, nhiều tiêu chí đánh giá nhân viên còn chung chung, nặng về định tính, chưa lượng hóa được mức độ hoàn thành công việc tại vị trí việc làm. Nhà trường/Khoa chưa thực hiện khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá, phân loại, kết quả thi đua - khen thưởng.</p>	<p>Nhà trường/Khoa cần cải tiến việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ nhân viên. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để lượng hóa được trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực tốt cho việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về kết quả đánh giá, phân loại, kết quả thi đua - khen thưởng nhằm kịp thời điều chỉnh các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình phát triển của trường.</p>	Phòng TCCB	Các phòng ban, trung tâm, khoa chuyên ngành	Tháng 06/2023
TC8/ TC8.1	<p>Việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động tuyển sinh, phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động vào cải tiến chính sách, phương thức tuyển sinh chưa rõ ràng; chưa tích hợp, bổ sung quy trình tư vấn tuyển sinh trong quy trình tuyển sinh chung của trường.</p>	<p>Việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động tuyển sinh, phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động vào cải tiến chính sách, phương thức tuyển sinh cần rõ ràng và hiệu quả hơn, làm rõ việc phối hợp và cá nhân/đơn vị phụ trách cụ thể cho từng kế hoạch, công việc cần cải tiến, theo dõi và báo cáo cụ thể công tác cải tiến theo kế hoạch; tích hợp, bổ sung quy trình tư vấn tuyển sinh trong quy trình tuyển sinh chung của trường.</p>	Phòng Đào tạo	Các phòng ban, khoa chuyên ngành	Năm học 2022-2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC8/ TC8.2	<p>Chưa đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của từng phương thức xét tuyển bằng cách so sánh, phân tích kết quả học tập của người học năm đầu tiên theo từng phương thức, từng nguyện vọng để có sự điều chỉnh tỉ lệ chỉ tiêu cho từng phương thức sao cho tối ưu nhất. Chưa xem xét, tìm hiểu việc mở rộng các tổ hợp xét tuyển đầu vào đa dạng hơn để tăng cường chất lượng đầu vào; chưa cải tiến quy trình tuyển sinh từ năm 2015.</p>	<p>Nam và trong cả nước.</p> <p>Cần đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của từng phương thức xét tuyển bằng cách so sánh, phân tích kết quả học tập của người học năm đầu tiên theo từng phương thức, từng nguyện vọng để có cơ sở điều chỉnh tỉ lệ chỉ tiêu cho từng phương; Có kế hoạch xem xét, tìm hiểu việc mở rộng các tổ hợp xét tuyển đầu vào đa dạng hơn trong bối cảnh tự chủ để tăng cường chất lượng đầu vào, đối sánh với các trường đại học có ngành đào tạo tương đương; cải tiến quy trình tuyển sinh định kỳ.</p>	Phòng Đào tạo	Các phòng ban, khoa chuyên ngành	Năm học 2023-2024

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tên tại	Định hướng khác phục	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC8/ TC8.3	<p>Chưa văn bản hóa và ban hành quy trình cụ thể và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống, quy trình giám sát tiến bộ học tập, rèn luyện của người học; chưa lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các quy trình giám sát, hỗ trợ người học để cải tiến.</p> <p>Phần mềm quản lý DT chưa cải tiến đủ để phù hợp với HCTC, tăng cường chia sẻ, phân quyền cho Khoa về phần kết quả học tập để Khoa và các CVHT chủ động theo dõi tình hình những người học yếu kém, thi không đạt nhanh chóng và có tính hệ thống hơn</p> <p>Chưa có nhiều cuộc họp/trao đổi trực tiếp, định kỳ giữa các bên liên quan (BGH, Phòng DT, phòng CTSV, Khoa, CVHT...) cũng như cuộc họp giữa BCN Khoa với các CVHT nhằm tìm kiếm, chia sẻ kinh nghiệm về giải pháp hỗ trợ người học vượt qua những khó khăn trong học tập, đời sống và rèn luyện; chưa thông kê chi tiết nguyên nhân bỏ học đối với từng người học.</p>	<p>Cần văn bản hóa và ban hành quy trình cụ thể và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống, quy trình giám sát tiến bộ học tập, rèn luyện của người học; lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các quy trình giám sát, hỗ trợ người học để cải tiến.</p> <p>Phần mềm quản lý DT cần cập nhật, cải tiến thêm cho phù hợp với HCTC (cho phép người học chủ động đăng ký các học phần), tăng cường chia sẻ, phân quyền cho Khoa về phần kết quả học tập để Khoa và các CVHT chủ động theo dõi tình hình những người học yếu kém, thi không đạt nhanh chóng đầy đủ hơn, kịp thời nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định.</p> <p>Cần tổ chức nhiều cuộc họp/trao đổi trực tiếp, định kỳ giữa các bên liên quan (BGH, Phòng DT, phòng CTSV, Khoa, CVHT...) cũng như cuộc họp giữa BCN Khoa với các CVHT nhằm tìm kiếm, chia sẻ kinh nghiệm về giải pháp hỗ trợ người học vượt qua những khó khăn trong học tập, đời sống và rèn luyện; thông kê chi tiết nguyên nhân bỏ học đối với từng người học, khảo sát và tư vấn khối lượng đăng ký môn học đối với người học có học lực và điều kiện học tập khác nhau.</p>	Ban giám hiệu Phòng Đào tạo	Các phòng ban, khoa chuyên ngành	Tháng 12/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC8/ TC8.4	<p>Việc đánh giá, phân tích nguyên nhân các hạn chế về các hoạt động tư vấn, ngoại khoá, hỗ trợ người học hàng năm trong các báo cáo tổng kết phong trào sinh viên chưa đồng bộ và chưa dựa trên đầy đủ các số liệu khảo sát, thống kê, thăm dò ý kiến có đối sánh và chưa đưa ra các đề xuất cải tiến cụ thể về cách thức, nội dung triển khai các hoạt động này cũng như theo dõi và báo cáo kết quả cải tiến theo quy trình PDCA. Các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật, NCKH của người học chưa thu hút nhiều sinh viên tham gia, chưa tổ chức nhiều giao lưu với cựu người học và nhà tuyên dụng kết hợp chia sẻ chuyên đề theo hình thức trực tuyến nhằm giúp người học rèn luyện các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề...), định hướng về công nghệ theo yêu cầu thị trường lao động, chưa lấy ý kiến người học về hiệu quả các hoạt động giao lưu, chia sẻ này để cải tiến.</p>	<p>Cần đánh giá, phân tích nguyên nhân các hạn chế về các hoạt động tư vấn, ngoại khoá, hỗ trợ người học hàng năm trong các báo cáo tổng kết đồng bộ và dựa trên đầy đủ các số liệu khảo sát, thống kê, thăm dò ý kiến có đối sánh và đưa ra các đề xuất cải tiến cụ thể về cách thức, nội dung triển khai các hoạt động này cũng như theo dõi và báo cáo kết quả cải tiến theo quy trình PDCA. Cần có nhiều biện pháp đa dạng giúp người học nhận thấy lợi ích của các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật, NCKH để thu hút sinh viên tham gia nhiều hơn; tăng cường tổ chức giao lưu với cựu người học và nhà tuyên dụng kết hợp chia sẻ theo hình thức trực tuyến nhằm giúp người học rèn luyện các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề...), định hướng về công nghệ theo yêu cầu đa dạng của thị trường lao động; lấy ý kiến người học về hiệu quả các hoạt động giao lưu, chia sẻ này để cải tiến.</p>	Phòng CTSV	Các đơn vị	Tháng 12/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC8/TC8.5	<p>Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người học chưa được chú trọng nhiều và chưa có bộ phận chuyên nghiệp, chuyên gia tâm lý để hỗ trợ người học hiệu quả khi gặp các khó khăn, áp lực trong học tập,</p> <p>Chưa có nhiều cải tiến về không gian, điều kiện vật chất như không gian thư viện, phòng tiếp sinh viên của giảng viên, không gian tự học, học nhóm,... để tạo môi trường thoải mái nhất cho người học trong học tập và nghiên cứu.</p>	<p>Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người học cần được chú trọng nhiều hơn và thành lập bộ phận chuyên nghiệp, mời chuyên gia tâm lý (có thể ký hợp đồng làm việc theo giờ trực) để hỗ trợ người học hiệu quả khi gặp các khó khăn, áp lực trong học tập, cuộc sống.</p> <p>Cần thực đẩy các dự án cải thiện về không gian, điều kiện vật chất của Trường như không gian thư viện, phòng tiếp sinh viên của giảng viên, không gian tự học, học nhóm,... để tạo môi trường thoải mái nhất cho người học trong học tập và nghiên cứu.</p>	Phòng CTSV	Các đơn vị	
TC9/TC9.1	<p>Mặc dù Nhà trường đã có hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng với đầy đủ trang thiết bị phù hợp, diện tích sàn xây dựng phục vụ giảng dạy, học tập với tổng diện tích sử dụng chính là 10.341 m<sup>2</sup> (Tỷ lệ 1,4m<sup>2</sup> (2016), 1,7m<sup>2</sup>(2017), 1,9m<sup>2</sup> (2018) -2.2 m<sup>2</sup>/SV (2019)) (tổng số SV là 7.019 SV) thấp hơn quy định về diện tích xây dựng theo thông tư 32/2015/TT-BGDĐT, 06/2018/TT-BGDĐT, 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&amp;ĐT. Diện tích văn phòng khoa (gồm 20 GV) bao gồm diện tích cho Ban chủ nhiệm khoa là 30m<sup>2</sup> thấp hơn nhiều so với quy định tại thông tư 03/2020/TT-BGDĐT.</p>	<p>Trường cần nỗ lực xây mới để nâng tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ giảng dạy, học tập đáp ứng quy định về diện tích xây dựng theo thông tư 32/2015/TT-BGDĐT, 06/2018/TT-BGDĐT, 03/2020/TT-BGDĐT. Bố trí sắp xếp diện tích làm việc cho GV trong khoa nhiều hơn. Nên mở rộng cơ sở đào tạo và văn phòng khoa ngay tại (236B Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh) để khả năng thu hút sinh viên được tốt hơn.</p>	<p>Trường DH TN&amp;MT TPHCM</p>	Phòng HC-QT	Tháng 12/2023



Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC9/ TC9.2	<p>Học liệu cho thư viện (bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo) chưa đủ so với danh mục tài liệu trong Đề cương chi tiết các môn học.</p> <p>Đầu tư cơ sở vật chất cho thư viện còn khá hạn chế, trong đó có điện tích thư viện, trang thiết bị, phòng đọc, hệ thống công nghệ thông tin, công từ kiểm soát vào ra, kiểm soát tài liệu, phần mềm Libol 6.0s hiện nay cho thư viện khá cũ và ít tính năng. Liên kết với các cơ sở dữ liệu của các Trung tâm lớn nhằm tạo điều kiện cho tra cứu sách phục vụ ĐT và NCKH còn hạn chế.</p>	<p>Cần tăng cường học liệu cho thư viện (bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo), đầu tư cơ sở vật chất thêm cho thư viện: tăng cường điện tích thư viện, nâng cấp trang thiết bị, phòng đọc, hệ thống công nghệ thông tin, công từ kiểm soát vào ra, kiểm soát tài liệu, đầu tư phần mềm mới thay thế cho phần mềm Libol 6.0s hiện nay cho thư viện. Tăng cường đầu tư thêm về Thư viện số, liên kết với các cơ sở dữ liệu của các Trung tâm lớn nhằm tạo điều kiện cho tra cứu sách phục vụ ĐT và NCKH.</p>	TT Thông tin thư viện	Các đơn vị	Tháng 12/2023
TC9/ TC9.3	<p>Thực hiện báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành còn chưa thường xuyên. Công tác duy tu, bảo dưỡng thiết bị đôi lúc chưa được thường xuyên do số lượng nhân viên quản lý phòng máy còn hạn chế và phải kiêm nhiệm.</p>	<p>Cần thực hiện tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...) thường xuyên hơn. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng thiết bị và bố trí chuyên trách nhân viên quản lý phòng máy.</p>			
TC9/ TC9.4	<p>Hệ thống Wifi còn khá yếu nên có có những thời điểm việc truy cập Internet gặp khó khăn (bị chập). Phần mềm Quản lý đào tạo chung đã cũ và hết bản quyền, Trường còn sử dụng phần mềm Quản Lý Đào tạo cũ của CMC hết bản quyền để quản lý đào tạo.</p>	<p>Nhà trường cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm thường xuyên hơn; đồng thời nâng cấp hệ thống Wifi và tốc độ đường truyền nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng của CBGV và NH. Cần trang bị các phần mềm phục vụ tốt hơn cho Quản lý trong đó có Quản lý đào tạo thay thế cho phần mềm đã cũ và hết bản quyền hiện nay</p>	Phòng HC-QT	TT Thông tin thư viện Phòng Đào tạo	Tháng 06/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC9/ TC9.5	KTX của Trường tại cơ sở 2 tại Biên Hòa rất xa với nơi đào tạo tại Cơ sở 1 tại đường Lê Văn Sỹ. Một số cầu thang, lối đi lại thoát hiểm tại Cơ sở 1 quá nhỏ và khá nguy hiểm. Các vấn đề về môi trường và an toàn cho người khuyết tật còn hạn chế (chưa có lối đi, thang máy, hệ thống nhà vệ sinh, ... đặc thù cho người khuyết tật).	Nhà trường cần có giải pháp khắc phục tình trạng bất tiện về KTX cho sinh viên, đặc biệt ngoài cơ sở tại Nhà Bè đang chuẩn bị xây dựng, có thể cần nhắc xây thêm các khu nhà phục vụ đào tạo và KTX ngay tại Cơ sở 1. Sớm khắc phục cầu thang, lối đi lại thoát hiểm quá nhỏ và nguy hiểm. Cải thiện các vấn đề về môi trường và an toàn cho người khuyết tật đặc biệt các công trình tiến tới sửa chữa và xây mới.	Trường DH TN&MT TPHCM	Phòng HC-QT	Tháng 12/2023
TC10/ TC10. 1	Khoa chưa xây dựng riêng 2 bộ phiếu khảo sát (1) cho xây dựng/thiết kế CTDH; (2) cho cập nhật/phát triển CTDH mà dùng chung. Nội dung khảo sát chưa phù hợp (Mục 12. Khảo sát mức độ cần thiết của các khối kiến thức, hoặc dùng thang đo Likert 5 mức về mức độ cần thiết để khảo sát việc lựa chọn HP, ...). Chưa có hệ thống thông tin để lưu trữ các dữ liệu thu nhận được, chưa đối sánh qua các năm giúp đánh giá được mức độ cải tiến của CTDH đã thực hiện được so với các ý kiến đã đóng góp. Thiếu các câu hỏi mở để thu thập các ý kiến đóng góp cho việc xây dựng CTDH. Số lượng phiếu khảo sát của cựu NH và NTD thu lại còn ít, chưa đủ độ tin cậy về thông tin thu được. Từ năm 2012 cho đến nay CTDH ngành CNTT đã có 1 chu kỳ đào tạo (5 năm) để cải tiến, tuy nhiên Khoa chưa có MC khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo của CTDH và theo xu hướng phát triển ngành CNTT mà mới chỉ chú yếu dựa vào việc khảo sát ý kiến các BLQ hàng	Thiết kế riêng 2 bộ phiếu khảo sát (1) cho xây dựng/thiết kế CTDH; (2) cho cập nhật/phát triển CTDH. Rà soát lại nội dung khảo sát chưa phù hợp với mục đích khảo sát (để xây dựng và đề cải tiến, cập nhật). Tăng cường các câu hỏi mở để thu thập các ý kiến đóng góp cho việc xây dựng CTDH thiết thực và sát với nhu cầu của các BLQ. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý để quản lý dữ liệu, thông tin phản hồi từ các BLQ làm cơ sở để đánh giá, so sánh và có kế hoạch, lộ trình cải tiến phù hợp, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của các BLQ. Tăng cường quy mô, mở rộng đối tượng khảo sát, hình thức đa dạng hơn đảm bảo độ tin cậy về nguồn thông tin thu nhận. Đa dạng hoá các loại khảo sát ý kiến các BLQ. Ngoài các đối tượng khảo sát là SV, GV, nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu SV, Khoa cần khảo sát nhu cầu thị trường lao động ngành CNTT, nguồn nhân lực địa phương, ... khi xây dựng	Khoa HTTT&V T	Phòng KTDBC L&TTG D	Tháng 12/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	năm để cải tiến CTDH.	và cập nhật/cải tiến CTDH trong một chu kỳ đào tạo.			
TC10/ TC10. 2	Quy trình thiếu một số bước như: (1) bước tổ chức đánh giá việc đạt CDR của HP và của CTĐT. (2) bước các đơn vị sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng (trong đó có cải tiến CTDH) như thế nào.	Bổ sung vào Quy trình thiết kế và phát triển CTDH bước tổ chức đánh giá việc đạt CDR của HP và của CTĐT và bước các đơn vị sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng.			
TC10/ TC10. 3	Các qui định về đánh giá quá trình dạy học, KTĐG chưa nhấn mạnh đến việc đảm bảo sự tương thích với CDR cấp HP và cấp CTĐT theo các chỉ số đo lường (PIs_Performance indicators), cũng như cách thức đo lường CDR. GV còn lúng túng khi hiểu về cách đo việc đánh giá đạt CDR của các HP và CDR của CTĐT. Khoa mới quan tâm đến việc rà soát đánh giá kết quả học tập NH là các minh chứng trực tiếp (Direct Evidence), thiếu các MC gián tiếp (Indirect Evidence) (khảo sát ý kiến NH về việc đạt CDT của HP sau khi học xong; sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp, ...), chưa xây dựng kế hoạch đo lường CDR của CTĐT.	Cần làm rõ các qui định về đánh giá quá trình dạy học, KTĐG đảm bảo sự tương thích với CDR cấp HP và cấp CTĐT theo các chỉ số PIs, cũng như cách thức đo lường CDR HP và CDR CTĐT. Điều chỉnh thang đo trong các rubric tương thích với thang đo trong quy chế học vụ, giúp GV sử dụng hệ thống rubric để đánh giá HP dễ dàng và thuận lợi hơn. Rà soát việc đánh giá đạt CDR của các HP và CDR của CTĐT. Xây dựng kế hoạch đo lường CDR của CTĐT. Bên cạnh các minh chứng trực tiếp là các kết quả học tập với các mức kì vọng đạt CDR của HP và của CTĐT, cần bổ sung một số minh chứng gián tiếp là các kết quả khảo sát ý kiến NH, ý kiến nhà tuyển dụng về các năng lực NH tốt nghiệp về việc đạt CDR CTĐT mong đợi,...	Khoa HTTT&V T	Phòng Đào tạo	/12/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC10/TC10.4	<p>Kế hoạch thực hiện công tác KHCN&amp;QHĐN năm học chưa đề cập đến việc tăng cường các đề tài liên quan đến việc dạy và học; việc áp dụng/chuyên tài các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH; việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Việc tiếp cận các kết quả NCKH còn chưa thực sự dễ dàng, chủ yếu vẫn qua các bản cứng lưu trữ tại thư viện nhà trường, chưa có một hệ thống lưu trữ điện tử của nhà trường cho phép giảng viên, sinh viên tiếp cận để dàng nguồn thông tin này.</p>	<p>Bổ sung vào Kế hoạch thực hiện công tác KHCN&amp;QHĐN năm học những nội dung liên quan đến việc tăng cường các đề tài liên quan đến việc dạy và học; việc áp dụng/chuyên tài các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH; việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Xây dựng CSDL điện tử lưu trữ kết quả NCKH của trường giúp GV, SV tiếp cận để dàng nguồn thông tin này.</p>	<p>Phòng KHCN&amp;QHĐN</p>	<p>TT thông tin thư viện Phòng Đào tạo Các Khoa chuyên ngành</p>	<p>Tháng 12/2023</p>
TC10/TC10.5	<p>Việc đánh giá đánh giá chất lượng các dịch vụ tiện ích của Nhà trường chi mới căn cứ vào quy trình ISO, các ý kiến đóng góp của các bên liên quan mà chưa xây dựng bộ tiêu chí với các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cụ thể cho từng dịch vụ hỗ trợ.</p> <p>Chưa xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ sau khi thu nhận ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Chưa có hệ thống quản lý đánh giá chất lượng dịch vụ sau cải tiến.</p>	<p>Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể, có các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cụ thể cho từng dịch vụ hỗ trợ.</p> <p>Xây dựng lộ trình cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ sau khi thu nhận ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu đánh giá, đối sánh kết quả đánh giá và phân tích kết quả sau cải tiến.</p>	<p>Phòng KTĐBCL &amp; TTGD</p>	<p>Các đơn vị</p>	<p>Tháng 12/2023</p>

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC10/ TC10. 6	<p>Trường xây dựng 5 loại quy trình khảo sát ý kiến các BLQ với 13 loại mẫu phiếu khảo sát nhưng chưa có biểu mẫu cho việc báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng của các đơn vị.</p> <p>Nội dung lấy ý kiến phản hồi khá nhiều, chủ yếu khảo sát về mức độ hài lòng bằng các câu hỏi đóng, chưa chọn lọc các chủ đề/vấn đề lấy ý kiến có chủ đích. Nội dung thang đo trong các phiếu khảo sát để lựa chọn phương án trả lời chưa hợp lý (ví dụ: để khảo sát ý kiến các BLQ về việc có/không tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng CDR và CTĐT, Khoa dùng các mức góp ý từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý là không phù hợp).</p>	<p>Bổ sung biểu mẫu cho việc báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng của các đơn vị giúp việc kiểm soát chất lượng được chặt chẽ hơn.</p> <p>Cải tiến chất lượng thu thập thông tin theo hướng chọn lọc các chủ đề/vấn đề lấy ý kiến có chủ đích rõ ràng, sử dụng các câu hỏi mở để thu thập được những góp ý cải tiến chất lượng.</p>	Phòng KTĐBCL & TTGD	Các đơn vị	Tháng 12/2023
TC11/ TC11. 1	<p>Tỷ lệ SV thôi học/ chuyên ngành CNTT trong 4 năm gần lại đây chiếm tỷ lệ khá lớn: 25,7%; 26,7%; 23%; 30%.</p> <p>Nhà trường chưa có đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp như chuyên gia tâm lý học đường</p>	<p>Công tác truyền thông và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên để giảm bớt tình trạng sinh viên bỏ học/chuyển ngành.</p> <p>Giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ cho SV đáp ứng yêu cầu CDR ngoại ngữ.</p>	Phòng CTSV	Khoa HTTT&VT	Tháng 12/2023
TC11/ TC11. 2	<p>Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên khá dài so với thiết kế chương trình. Cần có các giải pháp hỗ trợ SV học tập đáp ứng yêu cầu CDR của CTĐT, đặc biệt là CDR về ngoại ngữ để SV tốt nghiệp đúng hạn.</p>	<p>Đánh giá việc thiết kế CTĐT ngành CNTT (với khá nhiều học phần - 63HP) lên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.</p>	Khoa HTTT&VT		Tháng 12/2023

Tiêu chuẩn /Tiêu chí	Tồn tại	Định hướng khắc phục	Đơn vị/ cá nhân phụ trách	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
TC11/ TC11. 3	Mặc dù Nhà trường đã triển khai khảo sát tỷ lệ SV có việc làm nhưng còn thiếu phân tích nguyên nhân tỉ lệ không có việc làm của NH sau khi TN để thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng.	Công tác thông kê, theo dõi thường xuyên thị trường việc làm, để nắm bắt xu hướng phát triển việc làm và tư vấn hướng nghiệp kịp thời cho SV. Tăng cường thực hành, thực tập thực tế để giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp hơn trong tương lai.	Phòng CTSV	Các khoa chuyên ngành	Tháng 12/2023
TC11/ TC11. 4	Đầu tư tài chính cho hoạt động sinh viên NCKH của trường rất thấp so với quy định (tối thiểu bằng 3% nguồn thu học phí của trường). Đặc biệt có năm không thấy chi ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tỷ lệ số lượng SV tham gia NCKH so với tổng số SV của ngành chưa cao, phần lớn SV đại trà tham gia hoạt động NCKH là thông qua đồ án tốt nghiệp (năm cuối).	Cần thành lập quỹ KHCN gắn với hoạt động NCKH của SV, đảm bảo ngân sách trích tối thiểu 3% nguồn thu học phí trích lập vào quỹ cho các hoạt động NCKH của SV.	Phòng KH-TC	Phòng KHCN& QHĐN	Tháng 06/2023
TC11/ TC11. 5	Việc lấy ý kiến mức độ hài lòng các bên liên quan chưa gắn liền với CDR chương trình đào tạo để có căn cứ cho cải tiến chất lượng, đặc biệt một kỹ năng có mức độ hài lòng thấp của nhà tuyển dụng: sử dụng ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý thời gian, kiến tạo sản phẩm;	Đa dạng hóa nội dung và phương pháp khảo sát về mức độ hài lòng gắn với CDR của CTDĐT để ý kiến phản hồi gắn với cải tiến chất lượng CTDĐT.	Phòng KTĐBCL & TTGD	Các khoa chuyên ngành	Tháng 12/2023